

**DANH SÁCH KIỂM TOÁN VIÊN ĐƯỢC CHẤP THUẬN
THỰC HIỆN KIỂM TOÁN CHO ĐƠN VỊ CÓ LỢI ÍCH CÔNG CHÚNG NĂM 2021**
(Cập nhật đến ngày 01/02/2021)

Một số điểm lưu ý:

1- Kiểm toán viên có tên trong danh sách này được thực hiện kiểm toán cho đơn vị có lợi ích công chúng khác quy định tại Điều 1 của Nghị định số 134/2020/NĐ-CP ngày 15/11/2020 của Chính phủ.

2- Danh sách này có thể thay đổi, đề nghị tra cứu trên website: **www.mof.gov.vn**

SL KTV	Tên kiểm toán viên	Giới tính	Năm sinh	Chức vụ	Số Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán	Ngày cấp	Thời hạn Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề		Thời hạn thực hiện kiểm toán cho đơn vị có	
							Ngày bắt đầu	Ngày kết thúc	Ngày bắt đầu	Ngày kết thúc
1. Công ty TNHH Deloitte Việt Nam (#001)										
1	Hà Thị Thu Thanh	Nữ	1962	Chủ tịch HĐQT	0022-2018-001-1	09/10/2017	01/01/2018	31/12/2022	01/01/2021	31/12/2021
2	Đặng Chí Dũng	Nam	1966	Phó Tổng Giám đốc	0030-2018-001-1	09/10/2017	01/01/2018	31/12/2022	01/01/2021	31/12/2021
3	Trần Thị Thuý Ngọc	Nữ	1970	Phó Tổng Giám đốc	0031-2018-001-1	09/10/2017	01/01/2018	31/12/2022	01/01/2021	31/12/2021
4	Khúc Thị Lan Anh	Nữ	1971	Phó Tổng Giám đốc	0036-2018-001-1	09/10/2017	01/01/2018	31/12/2022	01/01/2021	31/12/2021
5	Phạm Hoài Nam	Nam	1973	Phó Tổng Giám đốc	0042-2018-001-1	09/10/2017	01/01/2018	31/12/2022	01/01/2021	31/12/2021
6	Vũ Đức Nguyên	Nam	1978		0764-2018-001-1	09/10/2017	01/01/2018	31/12/2022	01/01/2021	31/12/2021
7	Trần Xuân Ánh	Nam	1977		0723-2018-001-1	09/10/2017	01/01/2018	31/12/2022	01/01/2021	31/12/2021
8	Trần Huy Công	Nam	1979		0891-2018-001-1	09/10/2017	01/01/2018	31/12/2022	01/01/2021	31/12/2021
9	Phạm Quỳnh Hoa	Nữ	1979		0910-2018-001-1	09/10/2017	01/01/2018	31/12/2022	01/01/2021	31/12/2021
10	Hoàng Lan Hương	Nữ	1980		0898-2018-001-1	09/10/2017	01/01/2018	31/12/2022	01/01/2021	31/12/2021

SL KTV	Tên kiểm toán viên	Giới tính	Năm sinh	Chức vụ	Số Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán	Ngày cấp	Thời hạn Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề		Thời hạn thực hiện kiểm toán cho đơn vị có	
							Ngày bắt đầu	Ngày kết thúc	Ngày bắt đầu	Ngày kết thúc
11	Phạm Nam Phong	Nam	1979		0929-2019-001-1	17/10/2018	01/01/2019	31/12/2023	01/01/2021	31/12/2021
12	Phan Ngọc Anh	Nam	1980		1101-2018-001-1	09/10/2017	01/01/2018	31/12/2022	01/01/2021	31/12/2021
13	Nguyễn Thanh Hương	Nữ	1980		1415-2018-001-1	09/10/2017	01/01/2018	31/12/2022	01/01/2021	31/12/2021
14	Nguyễn Anh Tuấn	Nam	1982		1472-2018-001-1	09/10/2017	01/01/2018	31/12/2022	01/01/2021	31/12/2021
15	Bùi Thị Thu Hương	Nữ	1982		1688-2018-001-1	09/10/2017	01/01/2018	31/12/2022	01/01/2021	31/12/2021
16	Lê Anh Sơn	Nam	1983		1961-2018-001-1	09/10/2017	01/01/2018	31/12/2022	01/01/2021	31/12/2021
17	Đỗ Trung Kiên	Nam	1983		1924-2018-001-1	09/10/2017	01/01/2018	31/12/2022	01/01/2021	31/12/2021
18	Đỗ Hồng Dương	Nam	1986		2393-2021-001-1	14/10/2020	01/01/2021	31/12/2025	01/01/2021	31/12/2021
19	Nguyễn Tiến Quốc	Nam	1985		3008-2019-001-1	17/10/2018	01/01/2019	31/12/2023	01/01/2021	31/12/2021
20	Phạm Tuấn Linh	Nam	1985		3001-2019-001-1	17/10/2018	01/01/2019	31/12/2023	01/01/2021	31/12/2021
21	Nguyễn Trà Giang	Nữ	1986		3816-2021-001-1	14/10/2020	01/01/2021	31/12/2025	01/01/2021	31/12/2021
22	Bùi Thị Mai Hương	Nữ	1988		3829-2021-001-1	14/10/2020	01/01/2021	31/12/2025	01/01/2021	31/12/2021
23	Mai Thị Thúy Loan	Nữ	1989		3837-2021-001-1	14/10/2020	01/01/2021	31/12/2025	01/01/2021	31/12/2021
24	Phạm Văn Thịnh	Nam	1973	Tổng Giám đốc	0028-2020-001-1	15/10/2019	01/01/2020	31/12/2024	01/01/2021	31/12/2021
25	Võ Thái Hòa	Nam	1969	Phó Tổng Giám đốc/Giám đốc CN Tp Hồ Chí Minh	0138-2018-001-1	09/10/2017	01/01/2018	31/12/2022	01/01/2021	31/12/2021

SL KTV	Tên kiểm toán viên	Giới tính	Năm sinh	Chức vụ	Số Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán	Ngày cấp	Thời hạn Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề		Thời hạn thực hiện kiểm toán cho đơn vị có	
							Ngày bắt đầu	Ngày kết thúc	Ngày bắt đầu	Ngày kết thúc
26	Trần Đình Nghi Hạ	Nam	1975	Phó Tổng Giám đốc	0288-2018-001-1	09/10/2017	01/01/2018	31/12/2022	01/01/2021	31/12/2021
27	Trần Thị Kim Khánh	Nữ	1975		0395-2018-001-1	09/10/2017	01/01/2018	31/12/2022	01/01/2021	31/12/2021
28	Bùi Văn Trịnh	Nam	1981		1808-2018-001-1	09/10/2017	01/01/2018	31/12/2022	01/01/2021	31/12/2021
29	Cheah You Ming	Nam	1976		2247-2018-001-1	09/10/2017	01/01/2018	31/12/2022	01/01/2021	31/12/2021
30	Loh Lee Heng	Nam	1974		2231-2018-001-1	09/10/2017	01/01/2018	31/12/2022	01/01/2021	31/12/2021
31	Lê Đình Tứ	Nam	1969	Phó Tổng Giám đốc	0488-2018-001-1	09/10/2017	01/01/2018	31/12/2022	01/01/2021	31/12/2021
32	Nguyễn Minh Thao	Nam	1979		1902-2018-001-1	09/10/2017	01/01/2018	31/12/2022	01/01/2021	31/12/2021
33	Nguyễn Tuấn Ngọc	Nam	1984		2110-2018-001-1	09/10/2017	01/01/2018	31/12/2022	01/01/2021	31/12/2021
34	Đào Thái Thịnh	Nam	1982		1867-2018-001-1	09/10/2017	01/01/2018	31/12/2022	01/01/2021	31/12/2021
35	Nguyễn Quang Trung	Nam	1977		0733-2018-001-1	09/10/2017	01/01/2018	31/12/2022	01/01/2021	31/12/2021
36	Nguyễn Thị Thu Sang	Nữ	1980		1144-2018-001-1	09/10/2017	01/01/2018	31/12/2022	01/01/2021	31/12/2021
37	Nguyễn Thị Thanh Huyền	Nữ	1980		3026-2019-001-1	17/10/2018	01/01/2019	31/12/2023	01/01/2021	31/12/2021
38	Phạm Hoàng Khánh Phương	Nữ	1987		2756-2020-001-1	15/10/2019	01/01/2020	31/12/2024	01/01/2021	31/12/2021
39	Trần Hồng Quân	Nam	1987		2758-2020-001-1	15/10/2019	01/01/2020	31/12/2024	01/01/2021	31/12/2021
40	Vòng Mỹ Thanh	Nữ	1987		3460-2020-001-1	15/10/2019	01/01/2020	31/12/2024	01/01/2021	31/12/2021

SL KTV	Tên kiểm toán viên	Giới tính	Năm sinh	Chức vụ	Số Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán	Ngày cấp	Thời hạn Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề		Thời hạn thực hiện kiểm toán cho đơn vị có	
							Ngày bắt đầu	Ngày kết thúc	Ngày bắt đầu	Ngày kết thúc
41	Trần Văn Đặng	Nam	1989		4142-2017-001-1	03/08/2017	03/08/2017	31/12/2021	01/01/2021	31/12/2021
42	Ứng Hồng Diễm An	Nữ	1989		4132-2017-001-1	03/08/2017	03/08/2017	31/12/2021	01/01/2021	31/12/2021
43	Nguyễn Thị Mơ	Nữ	1987		4077-2017-001-1	24/08/2017	24/08/2017	31/12/2021	01/01/2021	31/12/2021
44	Lê Đình Dũng	Nam	1990		3943-2017-001-1	24/08/2017	24/08/2017	31/12/2021	01/01/2021	31/12/2021
45	Nguyễn Công Cương	Nam	1989		3992-2017-001-1	20/9/2017	20/9/2017	31/12/2021	01/01/2021	31/12/2021
46	Lê Việt Hà	Nữ	1982		1570-2019-001-1	01/10/2019	01/10/2019	31/12/2023	01/01/2021	31/12/2021
47	Trương Thị Quyết	Nữ	1989		3840-2019-001-1	11/10/2019	11/10/2019	31/12/2023	01/01/2021	31/12/2021
48	Nguyễn Thanh Toàn	Nam	1988		4572-2018-001-1	26/09/2018	26/09/2018	31/12/2022	01/01/2021	31/12/2021
49	Lương Tuấn Đạt	Nam	1989		4370-2018-001-1	23/11/2018	23/11/2018	31/12/2022	01/01/2021	31/12/2021
50	Phan Thị Hồng Nhung	Nữ	1988		4310-2018-001-1	23/11/2018	23/11/2018	31/12/2022	01/01/2021	31/12/2021
51	Tôn Thất Tiến	Nam	1989		4326-2018-001-1	23/11/2018	23/11/2018	31/12/2022	01/01/2021	31/12/2021
52	Nguyễn Thu Huyền	Nữ	1985		4664-2018-001-1	30/11/2018	30/11/2018	31/12/2022	01/01/2021	31/12/2021
53	Nguyễn Tuấn Anh	Nam	1990		4438-2018-001-1	30/11/2018	30/11/2018	31/12/2022	01/01/2021	31/12/2021
54	Lê Thành Vinh	Nữ	1989		4329-2018-001-1	30/11/2018	30/11/2018	31/12/2022	01/01/2021	31/12/2021
55	Hoàng Thị Lan Anh	Nữ	1989		4597-2018-001-1	30/11/2018	30/11/2018	31/12/2022	01/01/2021	31/12/2021

SL KTV	Tên kiểm toán viên	Giới tính	Năm sinh	Chức vụ	Số Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán	Ngày cấp	Thời hạn Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề		Thời hạn thực hiện kiểm toán cho đơn vị có	
							Ngày bắt đầu	Ngày kết thúc	Ngày bắt đầu	Ngày kết thúc
56	Nguyễn Đức Mẫn	Nam	1991		4619-2018-001-1	30/11/2018	30/11/2018	31/12/2022	01/01/2021	31/12/2021
2. Công ty TNHH Hăng Kiểm toán AASC (#002)										
1	Ngô Đức Đoàn	Nam	1957	Chủ tịch HĐQT	0052-2018-002-1	10/10/2017	01/01/2018	31/12/2022	01/01/2021	31/12/2021
2	Nguyễn Thanh Tùng	Nam	1963	Tổng Giám đốc	0063-2018-002-1	10/10/2017	01/01/2018	31/12/2022	01/01/2021	31/12/2021
3	Đỗ Mạnh Cường	Nam	1977	Phó Tổng Giám đốc	0744-2018-002-1	10/10/2017	01/01/2018	31/12/2022	01/01/2021	31/12/2021
4	Cát Thị Hà	Nữ	1977	Phó Tổng Giám đốc	0725-2018-002-1	10/10/2017	01/01/2018	31/12/2022	01/01/2021	31/12/2021
5	Vũ Xuân Biễn	Nam	1977	Phó Tổng Giám đốc	0743-2018-002-1	10/10/2017	01/01/2018	31/12/2022	01/01/2021	31/12/2021
6	Phạm Anh Tuấn	Nam	1979	Phó Tổng Giám đốc	0777-2018-002-1	10/10/2017	01/01/2018	31/12/2022	01/01/2021	31/12/2021
7	Đỗ Thị Ngọc Dung	Nữ	1976	Phó Tổng Giám đốc	0659-2018-002-1	10/10/2017	01/01/2018	31/12/2022	01/01/2021	31/12/2021
8	Trần Thị Mai Hương	Nữ	1968		0593-2018-002-1	10/10/2017	01/01/2018	31/12/2022	01/01/2021	31/12/2021
9	Hoàng San	Nam	1961		0660-2018-002-1	10/10/2017	01/01/2018	31/12/2022	01/01/2021	31/12/2021
10	Trần Quang Mậu	Nam	1960		0668-2018-002-1	10/10/2017	01/01/2018	31/12/2022	01/01/2021	31/12/2021
11	Vũ Quý Cường	Nam	1959		0721-2018-002-1	10/10/2017	01/01/2018	31/12/2022	01/01/2021	31/12/2021
12	Hoàng Thuý Nga	Nữ	1978		0762-2018-002-1	10/10/2017	01/01/2018	31/12/2022	01/01/2021	31/12/2021
13	Hoàng Thị Thu Hương	Nữ	1978		0899-2018-002-1	10/10/2017	01/01/2018	31/12/2022	01/01/2021	31/12/2021

SL KTV	Tên kiểm toán viên	Giới tính	Năm sinh	Chức vụ	Số Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán	Ngày cấp	Thời hạn Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề		Thời hạn thực hiện kiểm toán cho đơn vị có	
							Ngày bắt đầu	Ngày kết thúc	Ngày bắt đầu	Ngày kết thúc
14	Đoàn Thị Thuý	Nữ	1979		0937-2018-002-1	10/10/2017	01/01/2018	31/12/2022	01/01/2021	31/12/2021
15	Trần Thu Loan	Nữ	1979		0921-2018-002-1	10/10/2017	01/01/2018	31/12/2022	01/01/2021	31/12/2021
16	Nguyễn Diệu Trang	Nữ	1980		0938-2018-002-1	10/10/2017	01/01/2018	31/12/2022	01/01/2021	31/12/2021
17	Trương Mai Quân	Nam	1974		0399-2018-002-1	10/10/2017	01/01/2018	31/12/2022	01/01/2021	31/12/2021
18	Phạm Xuân Thái	Nam	1971	Phó Tổng Giám đốc	1230-2018-002-1	10/10/2017	01/01/2018	31/12/2022	01/01/2021	31/12/2021
19	Nguyễn Ngọc Lân	Nam	1981		1427-2018-002-1	10/10/2017	01/01/2018	31/12/2022	01/01/2021	31/12/2021
20	Nguyễn Anh Ngọc	Nam	1981		1437-2018-002-1	10/10/2017	01/01/2018	31/12/2022	01/01/2021	31/12/2021
21	Phạm Thị Xuân Thu	Nữ	1981		1462-2018-002-1	10/10/2017	01/01/2018	31/12/2022	01/01/2021	31/12/2021
22	Nguyễn Tuấn Anh	Nam	1982		1369-2018-002-1	10/10/2017	01/01/2018	31/12/2022	01/01/2021	31/12/2021
23	Dương Quân Anh	Nam	1978		1686-2018-002-1	10/10/2017	01/01/2018	31/12/2022	01/01/2021	31/12/2021
24	Vũ Xuân Tùng	Nam	1984		1942-2018-002-1	10/10/2017	01/01/2018	31/12/2022	01/01/2021	31/12/2021
25	Nguyễn Trường Minh	Nam	1984		2290-2018-002-1	10/10/2017	01/01/2018	31/12/2022	01/01/2021	31/12/2021
26	Nguyễn Ngọc Dương	Nam	1966		2441-2018-002-1	10/10/2017	01/01/2018	31/12/2022	01/01/2021	31/12/2021
27	Nguyễn Thị Thanh Hà	Nữ	1987		2888-2020-002-1	01/10/2019	01/01/2020	31/12/2024	01/01/2021	31/12/2021
28	Nguyễn Phạm Hùng	Nam	1985		2893-2020-002-1	01/10/2019	01/01/2020	31/12/2024	01/01/2021	31/12/2021

SL KTV	Tên kiểm toán viên	Giới tính	Năm sinh	Chức vụ	Số Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán	Ngày cấp	Thời hạn Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề		Thời hạn thực hiện kiểm toán cho đơn vị có	
							Ngày bắt đầu	Ngày kết thúc	Ngày bắt đầu	Ngày kết thúc
29	Đỗ Thị Hồng Thủy	Nữ	1986		2907-2020-002-1	01/10/2019	01/01/2020	31/12/2024	01/01/2021	31/12/2021
30	Ngô Đình Chung	Nam	1986		2910-2020-002-1	01/10/2019	01/01/2020	31/12/2024	01/01/2021	31/12/2021
31	Nguyễn Thị Nhàn	Nữ	1985		2959-2020-002-1	01/10/2019	01/01/2020	31/12/2024	01/01/2021	31/12/2021
32	Nguyễn Duy Quảng	Nam	1986		3363-2020-002-1	01/10/2019	01/01/2020	31/12/2024	01/01/2021	31/12/2021
33	Bùi Văn Thảo	Nam	1956	Phó Tổng Giám đốc	0522-2018-002-1	10/10/2017	01/01/2018	31/12/2022	01/01/2021	31/12/2021
34	Lê Kim Yên	Nữ	1966		0550-2018-002-1	10/10/2017	01/01/2018	31/12/2022	01/01/2021	31/12/2021
35	Nguyễn Thái	Nam	1984	Phó Giám đốc	1623-2018-002-1	10/10/2017	01/01/2018	31/12/2022	01/01/2021	31/12/2021
36	Trần Trung Hiếu	Nam	1980	Giám đốc Chi nhánh TP.HCM	2202-2018-002-1	10/10/2017	01/01/2018	31/12/2022	01/01/2021	31/12/2021
37	Ngô Minh Quý	Nam	1983	Phó Tổng Giám đốc	2434-2018-002-1	10/10/2017	01/01/2018	31/12/2022	01/01/2021	31/12/2021
38	Nguyễn Thị Hải Hương	Nữ	1968	Giám đốc chi nhánh Quảng Ninh	0367-2018-002-1	10/10/2017	01/01/2018	31/12/2022	01/01/2021	31/12/2021
39	Trần Thị Hà	Nữ	1980		1643-2018-002-1	10/10/2017	01/01/2018	31/12/2022	01/01/2021	31/12/2021
40	Nguyễn Thị Lịch	Nữ	1980		1927-2018-002-1	10/10/2017	01/01/2018	31/12/2022	01/01/2021	31/12/2021
41	Trần Quý Mai	Nam	1983		3305-2020-002-1	01/10/2019	01/01/2020	31/12/2024	01/01/2021	31/12/2021
42	Hà Văn Xuyên	Nam	1987		3383-2020-002-1	01/10/2019	01/01/2020	31/12/2024	01/01/2021	31/12/2021
43	Phan Bá Cường	Nam	1989		3639-2021-002-1	01/10/2020	01/01/2021	31/12/2025	01/01/2021	31/12/2021

SL KTV	Tên kiểm toán viên	Giới tính	Năm sinh	Chức vụ	Số Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán	Ngày cấp	Thời hạn Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề		Thời hạn thực hiện kiểm toán cho đơn vị có	
							Ngày bắt đầu	Ngày kết thúc	Ngày bắt đầu	Ngày kết thúc
44	Nguyễn Thị Lan	Nữ	1989		3655-2021-002-1	01/10/2020	01/01/2021	31/12/2025	01/01/2021	31/12/2021
45	Phạm Minh Tuấn	Nam	1989		3666-2021-002-1	01/10/2020	01/01/2021	31/12/2025	01/01/2021	31/12/2021
46	Đình Quang Trung	Nam	1989		3681-2017-002-1	20/01/2017	20/01/2017	31/12/2021	01/01/2021	31/12/2021
47	Nguyễn Trí Trung	Nam	1990		3985-2018-002-1	04/01/2018	04/01/2018	31/12/2022	01/01/2021	31/12/2021
48	Ngô Hoàng Hà	Nam	1989		3999-2018-002-1	15/01/2018	15/01/2018	31/12/2022	01/01/2021	31/12/2021
49	Lê Văn Hưng	Nam	1990		3953-2018-002-1	15/01/2018	15/01/2018	31/12/2022	01/01/2021	31/12/2021
50	Nguyễn Đức Trọng	Nam	1989		4062-2018-002-1	15/01/2018	15/01/2018	31/12/2022	01/01/2021	31/12/2021
51	Trần Phương Thúy	Nữ	1989		3984-2018-002-1	13/03/2018	13/03/2018	31/12/2022	01/01/2021	31/12/2021
52	Đặng Huy Hoàng	Nam	1990		4461-2018-002-1	17/09/2018	17/09/2018	31/12/2022	01/01/2021	31/12/2021
53	Nguyễn Thìn Lưu	Nam	1991		4393-2018-002-1	11/12/2018	11/12/2018	31/12/2022	01/01/2021	31/12/2021
3. Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam (EY) #004										
1	Lê Vũ Trường	Nam	1981	Phó Tổng Giám đốc	1588-2018-004-1	26/10/2017	01/01/2018	31/12/2022	01/01/2021	31/12/2021
2	Hàng Nhật Quang	Nam	1981	Phó Tổng Giám đốc	1772-2018-004-1	26/10/2017	01/01/2018	31/12/2022	01/01/2021	31/12/2021
3	Ernest Yoong Chin Kang	Nam	1965	Phó Tổng Giám đốc	1891-2018-004-1	26/10/2017	01/01/2018	31/12/2022	01/01/2021	31/12/2021
4	Dương Lê Anthony	Nam	1972	Phó Tổng Giám đốc	2223-2018-004-1	26/10/2017	01/01/2018	31/12/2022	01/01/2021	31/12/2021

SL KTV	Tên kiểm toán viên	Giới tính	Năm sinh	Chức vụ	Số Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán	Ngày cấp	Thời hạn Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề		Thời hạn thực hiện kiểm toán cho đơn vị có	
							Ngày bắt đầu	Ngày kết thúc	Ngày bắt đầu	Ngày kết thúc
5	Phạm Thị Cẩm Tú	Nữ	1983	Phó Tổng Giám đốc	2266-2018-004-1	26/10/2017	01/01/2018	31/12/2022	01/01/2021	31/12/2021
6	Saman Wijaya Bandara	Nam	1976	Phó Tổng Giám đốc	2036-2018-004-1	26/10/2017	01/01/2018	31/12/2022	01/01/2021	31/12/2021
7	Trần Nam Dũng	Nam	1982	Phó Tổng Giám đốc	3021-2019-004-1	13/11/2018	01/01/2019	31/12/2023	01/01/2021	31/12/2021
8	Nguyễn Thị Như Quỳnh	Nữ	1983		3040-2019-004-1	13/11/2018	01/01/2019	31/12/2023	01/01/2021	31/12/2021
9	Đặng Minh Tài	Nam	1986		2815-2019-004-1	13/11/2018	01/01/2019	31/12/2023	01/01/2021	31/12/2021
10	Trần Đình Cường	Nam	1969	Tổng Giám đốc	0135-2018-004-1	16/10/2017	01/01/2018	31/12/2022	01/01/2021	31/12/2021
11	Nguyễn Thái Thanh	Nữ	1975	Phó Tổng Giám đốc	0402-2018-004-1	16/10/2017	01/01/2018	31/12/2022	01/01/2021	31/12/2021
12	Trần Phú Sơn	Nam	1975	Phó TGD/Giám đốc Chi nhánh Hà Nội	0637-2018-004-1	16/10/2017	01/01/2018	31/12/2022	01/01/2021	31/12/2021
13	Lê Đức Trường	Nam	1976	Phó Tổng Giám đốc	0816-2018-004-1	16/10/2017	01/01/2018	31/12/2022	01/01/2021	31/12/2021
14	Trịnh Xuân Hoà	Nam	1976		0754-2018-004-1	16/10/2017	01/01/2018	31/12/2022	01/01/2021	31/12/2021
15	Hoàng Thị Hồng Minh	Nữ	1978		0761-2018-004-1	16/10/2017	01/01/2018	31/12/2022	01/01/2021	31/12/2021
16	Bùi Anh Tuấn	Nam	1978	Phó Tổng Giám đốc	1067-2018-004-1	16/10/2017	01/01/2018	31/12/2022	01/01/2021	31/12/2021
17	Maria Cristina M.Calimbas	Nữ	1968	Phó Tổng Giám đốc	1073-2018-004-1	26/10/2017	01/01/2018	31/12/2022	01/01/2021	31/12/2021
18	Nguyễn Thùy Dương	Nữ	1978	Phó Tổng Giám đốc	0893-2018-004-1	16/10/2017	01/01/2018	31/12/2022	01/01/2021	31/12/2021
19	Lê Thị Tuyết Mai	Nữ	1974	Phó Tổng Giám đốc	1575-2018-004-1	16/10/2017	01/01/2018	31/12/2022	01/01/2021	31/12/2021

SL KTV	Tên kiểm toán viên	Giới tính	Năm sinh	Chức vụ	Số Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán	Ngày cấp	Thời hạn Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề		Thời hạn thực hiện kiểm toán cho đơn vị có	
							Ngày bắt đầu	Ngày kết thúc	Ngày bắt đầu	Ngày kết thúc
20	Trịnh Hoàng Anh	Nam	1980	Phó Tổng Giám đốc	2071-2018-004-1	16/10/2017	01/01/2018	31/12/2022	01/01/2021	31/12/2021
21	Đặng Phương Hà	Nữ	1979	Phó Tổng Giám đốc	2400-2018-004-1	16/10/2017	01/01/2018	31/12/2022	01/01/2021	31/12/2021
22	Trần Thị Thu Hiền	Nữ	1984		2487-2018-004-1	16/10/2017	01/01/2018	31/12/2022	01/01/2021	31/12/2021
23	Phùng Mạnh Phú	Nam	1980	Phó Tổng Giám đốc	2598-2018-004-1	16/10/2017	01/01/2018	31/12/2022	01/01/2021	31/12/2021
24	Ngô Thị Phương Nhung	Nữ	1988		3069-2019-004-1	07/11/2018	01/01/2019	31/12/2023	01/01/2021	31/12/2021
25	Trần Thanh Thúy	Nữ	1987		3076-2019-004-1	13/11/2018	01/01/2019	31/12/2023	01/01/2021	31/12/2021
26	Nguyễn Thu Hằng	Nữ	1987		3342-2020-004-1	29/10/2019	01/01/2020	31/12/2024	01/01/2021	31/12/2021
27	Nguyễn Thùy Trang	Nữ	1986		3213-2020-004-1	05/11/2019	01/01/2020	31/12/2024	01/01/2021	31/12/2021
28	Vũ Tiến Dũng	Nam	1986		3221-2020-004-1	05/11/2019	01/01/2020	31/12/2024	01/01/2021	31/12/2021
29	Từ Thái Sơn	Nam	1981		1543-2018-004-1	26/10/2017	01/01/2018	31/12/2022	01/01/2021	31/12/2021
30	Dương Thị Nữ	Nữ	1988		3796-2021-004-1	20/10/2020	01/01/2021	31/12/2025	01/01/2021	31/12/2021
31	Đào Văn Thích	Nam	1988		3732-2021-004-1	20/10/2020	01/01/2021	31/12/2025	01/01/2021	31/12/2021
32	Nguyễn Hoàng Linh	Nam	1990		3835-2021-004-1	20/10/2020	01/01/2021	31/12/2025	01/01/2021	31/12/2021
33	Nguyễn Văn Trung	Nam	1987		3847-2021-004-1	20/10/2020	01/01/2021	31/12/2025	01/01/2021	31/12/2021
34	Nguyễn Quốc Hoàng	Nam	1986		2787-2016-004-1	24/08/2016	01/01/2017	31/12/2021	01/01/2021	31/12/2021

SL KTV	Tên kiểm toán viên	Giới tính	Năm sinh	Chức vụ	Số Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán	Ngày cấp	Thời hạn Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề		Thời hạn thực hiện kiểm toán cho đơn vị có	
							Ngày bắt đầu	Ngày kết thúc	Ngày bắt đầu	Ngày kết thúc
35	Tôn Thiện Bảo Ngọc	Nữ	1990		4177-2017-004-1	07/09/2017	07/09/2017	31/12/2021	01/01/2021	31/12/2021
36	Thái Trọng Cang	Nam	1989		4139-2017-004-1	07/09/2017	07/09/2017	31/12/2021	01/01/2021	31/12/2021
37	Lý Hồng Mỹ	Nữ	1987		4175-2017-004-1	07/09/2017	07/09/2017	31/12/2021	01/01/2021	31/12/2021
38	Ngô Thị Thúy Hòa	Nữ	1988		4171-2017-004-1	07/09/2017	07/09/2017	31/12/2021	01/01/2021	31/12/2021
39	Nguyễn Thị Quỳnh	Nữ	1985		4207-2017-004-1	11/07/2017	11/07/2017	31/12/2021	01/01/2021	31/12/2021
40	Nguyễn Mạnh Hùng	Nam	1986		2401-2018-004-1	16/10/2017	01/01/2018	31/12/2022	01/01/2021	31/12/2021
41	Nguyễn Đăng Tùng	Nam	1990		4415-2018-004-1	31/08/2018	31/08/2018	31/12/2022	01/01/2021	31/12/2021
42	Đinh Anh Thư	Nữ	1989		4635-2018-004-1	17/09/2018	17/09/2018	31/12/2022	01/01/2021	31/12/2021
43	Dương Phúc Kiên	Nam	1989		4613-2018-004-1	17/09/2018	17/09/2018	31/12/2022	01/01/2021	31/12/2021
44	Huỳnh Ngọc Minh Trân	Nữ	1991		4637-2018-004-1	17/09/2018	17/09/2018	31/12/2022	01/01/2021	31/12/2021
45	Nguyễn An Khang	Nam	1992		4611-2018-004-1	17/09/2018	17/09/2018	31/12/2022	01/01/2021	31/12/2021
46	Phạm Thị Thanh Thúy	Nữ	1986		4636-2018-004-1	17/09/2018	17/09/2018	31/12/2022	01/01/2021	31/12/2021
47	Phạm Xuân Tuân	Nam	1991		4639-2018-004-1	17/09/2018	17/09/2018	31/12/2022	01/01/2021	31/12/2021
48	Nguyễn Ngọc Khoa	Nam	1988		3298-2017-004-1	13/11/2017	01/01/2018	31/12/2022	01/01/2021	31/12/2021
49	Ngô Thị Thanh Huyền	Nữ	1986		4661-2018-004-1	31/08/2018	31/08/2018	31/12/2022	01/01/2021	31/12/2021

SL KTV	Tên kiểm toán viên	Giới tính	Năm sinh	Chức vụ	Số Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán	Ngày cấp	Thời hạn Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề		Thời hạn thực hiện kiểm toán cho đơn vị có	
							Ngày bắt đầu	Ngày kết thúc	Ngày bắt đầu	Ngày kết thúc
50	Nguyễn Quý Mạnh	Nam	1988		4482-2018-004-1	31/08/2018	31/08/2018	31/12/2022	01/01/2021	31/12/2021
51	Lê Minh Tùng	Nam	1991		4656-2018-004-1	31/08/2018	31/08/2018	31/12/2022	01/01/2021	31/12/2021
52	Đỗ Đức Hiếu	Nam	1991		4663-2018-004-1	31/08/2018	31/08/2018	31/12/2022	01/01/2021	31/12/2021
4. Công ty TNHH Kiểm toán và Dịch vụ Tin học Thành phố Hồ Chí Minh (AISC) #005										
1	Phạm Văn Vinh	Nam	1965	Tổng Giám đốc/ Giám đốc Chi nhánh Đà Nẵng	0112-2018-005-1	10/10/2017	01/01/2018	31/12/2022	01/01/2021	31/12/2021
2	Đậu Nguyễn Lý Hằng	Nữ	1980	Phó Tổng Giám đốc	1169-2018-005-1	10/10/2017	01/01/2018	31/12/2022	01/01/2021	31/12/2021
3	Dương Thị Phương Anh	Nữ	1973	Phó Tổng Giám đốc	0321-2018-005-1	10/10/2017	01/01/2018	31/12/2022	01/01/2021	31/12/2021
4	Phạm Thị Thanh Mai	Nữ	1975		1044-2018-005-1	10/10/2017	01/01/2018	31/12/2022	01/01/2021	31/12/2021
5	Nguyễn Thị Phương Thùy	Nữ	1977		1871-2018-005-1	10/10/2017	01/01/2018	31/12/2022	01/01/2021	31/12/2021
6	Huỳnh Tiểu Phụng	Nữ	1979	Phó Tổng Giám đốc	1269-2018-005-1	10/10/2017	01/01/2018	31/12/2022	01/01/2021	31/12/2021
7	Trần Thái Hòa	Nam	1976	Phó Tổng Giám đốc	1511-2018-005-1	10/10/2017	01/01/2018	31/12/2022	01/01/2021	31/12/2021
8	Trần Hải Sơn	Nam	1984		2172-2018-005-1	10/10/2017	01/01/2018	31/12/2022	01/01/2021	31/12/2021
9	Hà Quế Nga	Nữ	1985		2801-2019-005-1	18/10/2018	01/01/2019	31/12/2023	01/01/2021	31/12/2021
10	Lê Thị Thanh Tâm	Nữ	1984		3199-2020-005-1	07/10/2019	01/01/2020	31/12/2024	01/01/2021	31/12/2021
11	Lê Hùng Dũng	Nam	1987	Phó Tổng Giám đốc	3174-2020-005-1	07/10/2019	01/01/2020	31/12/2024	01/01/2021	31/12/2021

SL KTV	Tên kiểm toán viên	Giới tính	Năm sinh	Chức vụ	Số Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán	Ngày cấp	Thời hạn Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề		Thời hạn thực hiện kiểm toán cho đơn vị có	
							Ngày bắt đầu	Ngày kết thúc	Ngày bắt đầu	Ngày kết thúc
12	Đào Tiến Đạt	Nam	1965	Phó Tổng Giám đốc	0078-2018-005-1	10/10/2017	01/01/2018	31/12/2022	01/01/2021	31/12/2021
13	Vũ Khắc Chuyển	Nam	1967	Phó Giám đốc Chi nhánh Hà Nội	0160-2018-005-1	10/10/2017	01/01/2018	31/12/2022	01/01/2021	31/12/2021
14	Nguyễn Thị Hiệp	Nữ	1981	Phó Giám đốc Chi nhánh Đà Nẵng	1401-2018-005-1	10/10/2017	01/01/2018	31/12/2022	01/01/2021	31/12/2021
15	Hồ Thị Hà Lan	Nữ	1979		3080-2019-005-1	18/10/2018	01/01/2019	31/12/2023	01/01/2021	31/12/2021
16	Tạ Văn Giới	Nam	1987		3497-2021-005-1	20/10/2020	01/01/2021	31/12/2025	01/01/2021	31/12/2021
17	Đỗ Thị Mai Hoa	Nữ	1988		3559-2021-005-1	20/10/2020	01/01/2021	31/12/2025	01/01/2021	31/12/2021
18	Phạm Xuân Sơn	Nam	1981	Giám đốc Chi nhánh Hà Nội	1450-2019-005-1	29/10/2019	29/10/2019	31/12/2022	01/01/2021	31/12/2021
19	Võ Thị Xuân Quỳnh	Nữ	1989		4274-2018-005-1	18/10/2018	18/10/2018	31/12/2022	01/01/2021	31/12/2021
20	Đoàn Nguyễn Minh Tâm	Nam	1989		4277-2018-005-1	18/10/2018	18/10/2018	31/12/2022	01/01/2021	31/12/2021
21	Đỗ Thị Hằng	Nữ	1991		4226-2018-005-1	18/10/2018	18/10/2018	31/12/2022	01/01/2021	31/12/2021
22	Nguyễn Văn Tuyên	Nam	1970		0111-2020-005-1	19/11/2020	19/11/2020	31/12/2022	01/01/2021	31/12/2021
23	Nguyễn Minh	Nam	1959	Phó Tổng Giám đốc	0612-2018-005-1	10/10/2017	01/01/2018	31/12/2022	01/01/2021	31/12/2021
5. Công ty TNHH PWC (Việt Nam) #006										
1	Quách Thành Châu	Nam	1972	Phó Tổng Giám đốc	0875-2018-006-1	02/10/2017	01/01/2018	31/12/2022	01/01/2021	31/12/2021
2	Nguyễn Hoàng Nam	Nam	1975	Phó Tổng Giám đốc	0849-2018-006-1	02/10/2017	01/01/2018	31/12/2022	01/01/2021	31/12/2021

SL KTV	Tên kiểm toán viên	Giới tính	Năm sinh	Chức vụ	Số Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán	Ngày cấp	Thời hạn Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề		Thời hạn thực hiện kiểm toán cho đơn vị có	
							Ngày bắt đầu	Ngày kết thúc	Ngày bắt đầu	Ngày kết thúc
3	Ngô Thị Nhật Giao	Nữ	1985		2415-2018-006-1	02/10/2017	01/01/2018	31/12/2022	01/01/2021	31/12/2021
4	Lại Hùng Phương	Nam	1985		2432-2018-006-1	02/10/2017	01/01/2018	31/12/2022	01/01/2021	31/12/2021
5	Trần Thị Cẩm Tú	Nữ	1985		2713-2018-006-1	02/10/2017	01/01/2018	31/12/2022	01/01/2021	31/12/2021
6	Lương Thị Ánh Tuyết	Nữ	1984		3048-2019-006-1	12/10/2018	01/01/2019	31/12/2023	01/01/2021	31/12/2021
7	Trần Thị Thanh Trúc	Nữ	1978		3047-2019-006-1	12/10/2018	01/01/2019	31/12/2023	01/01/2021	31/12/2021
8	Triệu Nguyên Duy	Nam	1984		3022-2019-006-1	12/10/2018	01/01/2019	31/12/2023	01/01/2021	31/12/2021
9	Cao Thị Ngọc Loan	Nữ	1986		3030-2019-006-1	12/10/2018	01/01/2019	31/12/2023	01/01/2021	31/12/2021
10	Mai Viết Hùng Trân	Nam	1971	Phó Tổng Giám đốc	0048-2018-006-1	02/10/2017	01/01/2018	31/12/2022	01/01/2021	31/12/2021
11	Đinh Thị Quỳnh Vân	Nữ	1968	Tổng Giám đốc	0582-2018-006-1	02/10/2017	01/01/2018	31/12/2022	01/01/2021	31/12/2021
12	Nguyễn Phi Lan	Nữ	1972	Phó Tổng Giám đốc	0573-2018-006-1	02/10/2017	01/01/2018	31/12/2022	01/01/2021	31/12/2021
13	Trần Hồng Kiên	Nam	1975	Phó Tổng Giám đốc	0298-2018-006-1	02/10/2017	01/01/2018	31/12/2022	01/01/2021	31/12/2021
14	Phan Hồ Giang	Nữ	1965	Phó Tổng Giám đốc	0438-2018-006-1	02/10/2017	01/01/2018	31/12/2022	01/01/2021	31/12/2021
15	Trần Khắc Thê	Nam	1982	Phó Tổng Giám đốc	2043-2018-006-1	02/10/2017	01/01/2018	31/12/2022	01/01/2021	31/12/2021
16	Đỗ Đức Hậu	Nam	1985		2591-2018-006-1	02/10/2017	01/01/2018	31/12/2022	01/01/2021	31/12/2021
17	Nguyễn Cẩm Ly	Nữ	1985		3067-2019-006-1	12/10/2018	01/01/2019	31/12/2023	01/01/2021	31/12/2021

SL KTV	Tên kiểm toán viên	Giới tính	Năm sinh	Chức vụ	Số Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán	Ngày cấp	Thời hạn Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề		Thời hạn thực hiện kiểm toán cho đơn vị có	
							Ngày bắt đầu	Ngày kết thúc	Ngày bắt đầu	Ngày kết thúc
18	Phạm Thái Hùng	Nam	1980		3444-2020-006-1	09/10/2019	01/01/2020	31/12/2024	01/01/2021	31/12/2021
19	Mai Lê Quỳnh Trang	Nữ	1986		3466-2020-006-1	09/10/2019	01/01/2020	31/12/2024	01/01/2021	31/12/2021
20	Thái Văn Cường	Nam	1987		3435-2020-006-1	09/10/2019	01/01/2020	31/12/2024	01/01/2021	31/12/2021
21	Nguyễn Vũ Anh Tuấn	Nam	1985		3631-2021-006-1	22/09/2020	01/01/2021	31/12/2025	01/01/2021	31/12/2021
22	Đỗ Thành Nhân	Nam	1988		3573-2021-006-1	22/09/2020	01/01/2021	31/12/2025	01/01/2021	31/12/2021
23	Trần Văn Thắng	Nam	1979		3586-2021-006-1	22/09/2020	01/01/2021	31/12/2025	01/01/2021	31/12/2021
24	Trần Đỗ Vy Hạ	Nữ	1985		3780-2021-006-1	22/09/2020	01/01/2021	31/12/2025	01/01/2021	31/12/2021
25	Trần Từ Mai Anh	Nữ	1985		3546-2021-006-1	22/09/2020	01/01/2021	31/12/2025	01/01/2021	31/12/2021
26	Bùi Phương Hạnh	Nữ	1987		3823-2021-006-1	22/09/2020	01/01/2021	31/12/2025	01/01/2021	31/12/2021
27	Mai Trần Bảo Anh	Nam	1988		4166-2017-006-1	20/9/2017	20/9/2017	31/12/2021	01/01/2021	31/12/2021
28	Nguyễn Đăng Bảo	Nam	1987		3891-2017-006-1	20/9/2017	20/9/2017	31/12/2021	01/01/2021	31/12/2021
29	Trương Phước Lộc	Nam	1988		4173-2017-006-1	20/9/2017	20/9/2017	31/12/2021	01/01/2021	31/12/2021
30	Nguyễn Sỹ Hà	Nam	1989		4147-2017-006-1	20/9/2017	20/9/2017	31/12/2021	01/01/2021	31/12/2021
31	Lê Nam Phong	Nam	1987		3910-2017-006-1	20/9/2017	20/9/2017	31/12/2021	01/01/2021	31/12/2021
32	Phan Thị Ngọc Mai	Nữ	1991		4174-2017-006-1	20/9/2017	20/9/2017	31/12/2021	01/01/2021	31/12/2021

SL KTV	Tên kiểm toán viên	Giới tính	Năm sinh	Chức vụ	Số Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán	Ngày cấp	Thời hạn Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề		Thời hạn thực hiện kiểm toán cho đơn vị có	
							Ngày bắt đầu	Ngày kết thúc	Ngày bắt đầu	Ngày kết thúc
33	Hoàng Phan Quang	Nam	1989		3839-2021-006-1	22/09/2020	01/01/2021	31/12/2025	01/01/2021	31/12/2021
34	Phạm Đức Việt	Nam	1990		3848-2021-006-1	22/09/2020	01/01/2021	31/12/2025	01/01/2021	31/12/2021
35	Võ Ngọc Huyền	Nữ	1985		2610-2018-006-1	23/11/2017	01/01/2018	31/12/2022	01/01/2021	31/12/2021
36	Nguyễn Thành Trung	Nam	1977		0870-2019-006-1	12/10/2018	01/01/2019	31/12/2023	01/01/2021	31/12/2021
37	Giang Bảo Châu	Nữ	1983		2226-2019-006-1	12/10/2018	01/01/2019	31/12/2023	01/01/2021	31/12/2021
38	Nghiêm Hoàng Lan	Nữ	1980		2405-2019-006-1	12/10/2018	01/01/2019	31/12/2023	01/01/2021	31/12/2021
39	Trần Thị Kim Ngọc	Nữ	1987		2755-2019-006-1	12/10/2018	01/01/2019	31/12/2023	01/01/2021	31/12/2021
6. Công ty TNHH KPMG (#007)										
1	Wang Toon Kim	Nam	1973	Phó Tổng Giám đốc	0557-2018-007-1	10/10/2017	01/01/2018	31/12/2022	01/01/2021	31/12/2021
2	Trần Anh Quân	Nam	1975	Phó Tổng Giám đốc	0306-2018-007-1	10/10/2017	01/01/2018	31/12/2022	01/01/2021	31/12/2021
3	Đàm Xuân Lâm	Nam	1972	Phó Tổng Giám đốc	0861-2018-007-1	10/10/2017	01/01/2018	31/12/2022	01/01/2021	31/12/2021
4	Lê Việt Hùng	Nam	1975		0296-2018-007-1	10/10/2017	01/01/2018	31/12/2022	01/01/2021	31/12/2021
5	Khúc Thị Minh Tân	Nữ	1969		1358-2018-007-1	10/10/2017	01/01/2018	31/12/2022	01/01/2021	31/12/2021
6	Lê Thái Hường	Nữ	1982		2038-2018-007-1	10/10/2017	01/01/2018	31/12/2022	01/01/2021	31/12/2021
7	Trương Tuyết Mai	Nữ	1985		2594-2019-007-1	28/10/2018	01/01/2019	31/12/2023	01/01/2021	31/12/2021

SL KTV	Tên kiểm toán viên	Giới tính	Năm sinh	Chức vụ	Số Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán	Ngày cấp	Thời hạn Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề		Thời hạn thực hiện kiểm toán cho đơn vị có	
							Ngày bắt đầu	Ngày kết thúc	Ngày bắt đầu	Ngày kết thúc
8	Phạm Thị Thùy Linh	Nữ	1982		3065-2019-007-1	28/10/2018	01/01/2019	31/12/2023	01/01/2021	31/12/2021
9	Phan Mỹ Linh	Nữ	1983		3064-2019-007-1	28/10/2018	01/01/2019	31/12/2023	01/01/2021	31/12/2021
10	Đoàn Thanh Toàn	Nam	1984		3073-2019-007-1	28/10/2018	01/01/2019	31/12/2023	01/01/2021	31/12/2021
11	Nguyễn Thị Việt Hòa	Nữ	1986		3062-2019-007-1	28/10/2018	01/01/2019	31/12/2023	01/01/2021	31/12/2021
12	Warrick Antony Cleine	Nam	1971	Tổng Giám đốc	0243-2018-007-1	10/10/2017	01/01/2018	31/12/2022	01/01/2021	31/12/2021
13	Chong Kwang Puay	Nam	1971	Phó Tổng Giám đốc	0864-2018-007-1	10/10/2017	01/01/2018	31/12/2022	01/01/2021	31/12/2021
14	Chang Hung Chun	Nam	1973	Phó Tổng Giám đốc	0863-2018-007-1	10/10/2017	01/01/2018	31/12/2022	01/01/2021	31/12/2021
15	Auvarin Phor	Nam	1976	Phó Tổng Giám đốc	2252-2018-007-1	10/10/2017	01/01/2018	31/12/2022	01/01/2021	31/12/2021
16	Nelson Rodriguez Casihan	Nam	1975		2225-2018-007-1	10/10/2017	01/01/2018	31/12/2022	01/01/2021	31/12/2021
17	Nguyễn Thanh Nghị	Nam	1971	Phó Tổng Giám đốc	0304-2018-007-1	10/10/2017	01/01/2018	31/12/2022	01/01/2021	31/12/2021
18	Lâm Thị Ngọc Hảo	Nữ	1976	Phó Tổng Giám đốc	0866-2018-007-1	10/10/2017	01/01/2018	31/12/2022	01/01/2021	31/12/2021
19	Trần Đình Vinh	Nam	1974	Phó Tổng Giám đốc	0339-2018-007-1	10/10/2017	01/01/2018	31/12/2022	01/01/2021	31/12/2021
20	Hà Vũ Định	Nam	1975	Phó Tổng Giám đốc	0414-2018-007-1	10/10/2017	01/01/2018	31/12/2022	01/01/2021	31/12/2021
21	Trương Vĩnh Phúc	Nam	1980	Phó Tổng Giám đốc	1901-2018-007-1	10/10/2017	01/01/2018	31/12/2022	01/01/2021	31/12/2021
22	Nguyễn Anh Tuấn	Nam	1974		0436-2018-007-1	10/10/2017	01/01/2018	31/12/2022	01/01/2021	31/12/2021

SL KTV	Tên kiểm toán viên	Giới tính	Năm sinh	Chức vụ	Số Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán	Ngày cấp	Thời hạn Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề		Thời hạn thực hiện kiểm toán cho đơn vị có	
							Ngày bắt đầu	Ngày kết thúc	Ngày bắt đầu	Ngày kết thúc
23	Phạm Huy Cường	Nam	1985		2675-2019-007-1	28/10/2018	01/01/2019	31/12/2023	01/01/2021	31/12/2021
24	Nguyễn Hồ Khánh Tân	Nữ	1982		3458-2020-007-1	01/10/2019	01/01/2020	31/12/2024	01/01/2021	31/12/2021
25	Trần Thị Hà Thu	Nữ	1986		3496-2020-007-1	01/10/2019	01/01/2020	31/12/2024	01/01/2021	31/12/2021
26	Lê Hoàng Mai	Nữ	1987		3486-2020-007-1	01/10/2019	01/01/2020	31/12/2024	01/01/2021	31/12/2021
27	Nguyễn Thùy Trang	Nữ	1984		3846-2017-007-1	22/02/2017	22/02/2017	31/12/2021	01/01/2021	31/12/2021
28	Vũ Thu Thủy	Nữ	1984		3761-2017-007-1	22/02/2017	22/02/2017	31/12/2021	01/01/2021	31/12/2021
29	Trần Thị Lệ Hằng	Nữ	1982		N.3782-2017-007-1	16/10/2017	16/10/2017	31/12/2021	01/01/2021	31/12/2021
30	Nguyễn Thị Thùy	Nữ	1987		3463-2017-007-1	22/02/2017	22/02/2017	31/12/2021	01/01/2021	31/12/2021
31	Phạm Thị Hoàng Anh	Nữ	1984		3434-2017-007-1	22/02/2017	22/02/2017	31/12/2021	01/01/2021	31/12/2021
32	Lê Nhật Vương	Nữ	1985		3849-2017-007-1	22/02/2017	22/02/2017	31/12/2021	01/01/2021	31/12/2021
33	Nguyễn Thị Đăng Phương	Nữ	1983		2254-2018-007-1	21/08/2018	21/08/2018	31/12/2022	01/01/2021	31/12/2021
34	Nguyễn Thị Thảo Trang	Nữ	1989		N.4181-2018-007-1	21/08/2018	21/08/2018	31/12/2022	01/01/2021	31/12/2021
35	Nguyễn Thị Thu Hà	Nữ	1984		2236-2018-007-1	21/08/2018	21/08/2018	31/12/2022	01/01/2021	31/12/2021
36	Nguyễn Thùy Ninh	Nữ	1984		4623-2018-007-1	25/12/2018	25/12/2018	31/12/2022	01/01/2021	31/12/2021
37	Triệu Tích Quyền	Nam	1987		4629-2018-007-2	25/12/2018	25/12/2018	31/12/2022	01/01/2021	31/12/2021

SL KTV	Tên kiểm toán viên	Giới tính	Năm sinh	Chức vụ	Số Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán	Ngày cấp	Thời hạn Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề		Thời hạn thực hiện kiểm toán cho đơn vị có	
							Ngày bắt đầu	Ngày kết thúc	Ngày bắt đầu	Ngày kết thúc
38	Bành Thúy Phượng	Nữ	1989		4626-2018-007-1	25/12/2018	25/12/2018	31/12/2022	01/01/2021	31/12/2021
7. Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C (#008)										
1	Võ Hùng Tiến	Nam	1961	Tổng Giám đốc	0083-2018-008-1	10/10/2017	01/01/2018	31/12/2022	01/01/2021	31/12/2021
2	Lý Quốc Trung	Nam	1972	Phó Tổng Giám đốc	0099-2018-008-1	10/10/2017	01/01/2018	31/12/2022	01/01/2021	31/12/2021
3	Hồ Văn Tùng	Nam	1966		0092-2018-008-1	10/10/2017	01/01/2018	31/12/2022	01/01/2021	31/12/2021
4	Dương Hồng Phúc	Nam	1966		0093-2018-008-1	10/10/2017	01/01/2018	31/12/2022	01/01/2021	31/12/2021
5	Đỗ Thị Mai Loan	Nữ	1964		0090-2018-008-1	10/10/2017	01/01/2018	31/12/2022	01/01/2021	31/12/2021
6	Phan Vũ Công Bá	Nam	1967		0197-2018-008-1	10/10/2017	01/01/2018	31/12/2022	01/01/2021	31/12/2021
7	Nguyễn Hoàng Yến	Nữ	1965		0088-2018-008-1	10/10/2017	01/01/2018	31/12/2022	01/01/2021	31/12/2021
8	Nguyễn Thị Ngọc Quỳnh	Nữ	1973		0327-2018-008-1	10/10/2017	01/01/2018	31/12/2022	01/01/2021	31/12/2021
9	Phạm Hoa Đăng	Nam	1967		0954-2018-008-1	10/10/2017	01/01/2018	31/12/2022	01/01/2021	31/12/2021
10	Nguyễn Thị Phước Tiên	Nữ	1980		1199-2018-008-1	10/10/2017	01/01/2018	31/12/2022	01/01/2021	31/12/2021
11	Nguyễn Phước Hồng Hạnh	Nữ	1984		2058-2018-008-1	10/10/2017	01/01/2018	31/12/2022	01/01/2021	31/12/2021
12	Hoàng Thái Vượng	Nam	1985		2129-2018-008-1	10/10/2017	01/01/2018	31/12/2022	01/01/2021	31/12/2021
13	Dương Thị Hồng Hương	Nữ	1985		2095-2018-008-1	10/10/2017	01/01/2018	31/12/2022	01/01/2021	31/12/2021

SL KTV	Tên kiểm toán viên	Giới tính	Năm sinh	Chức vụ	Số Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán	Ngày cấp	Thời hạn Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề		Thời hạn thực hiện kiểm toán cho đơn vị có	
							Ngày bắt đầu	Ngày kết thúc	Ngày bắt đầu	Ngày kết thúc
14	Bùi Ngọc Hải	Nam	1972		2208-2018-008-1	10/10/2017	01/01/2018	31/12/2022	01/01/2021	31/12/2021
15	Nguyễn Chí Dũng	Nam	1971	Phó Tổng Giám đốc	0100-2018-008-1	10/10/2017	01/01/2018	31/12/2022	01/01/2021	31/12/2021
16	Nguyễn Minh Trí	Nam	1966	Phó Tổng Giám đốc	0089-2018-008-1	10/10/2017	01/01/2018	31/12/2022	01/01/2021	31/12/2021
17	Lê Thị Thu Hiền	Nữ	1968		0095-2018-008-1	10/10/2017	01/01/2018	31/12/2022	01/01/2021	31/12/2021
18	Nguyễn Ngọc Thành	Nam	1979		1195-2018-008-1	10/10/2017	01/01/2018	31/12/2022	01/01/2021	31/12/2021
19	Phan Như Phong	Nam	1971		1818-2018-008-1	10/10/2017	01/01/2018	31/12/2022	01/01/2021	31/12/2021
20	Nguyễn Quang Châu	Nam	1985		2607-2018-008-1	10/10/2017	01/01/2018	31/12/2022	01/01/2021	31/12/2021
21	Võ Thành Công	Nam	1976		1033-2018-008-1	10/10/2017	01/01/2018	31/12/2022	01/01/2021	31/12/2021
22	Trần Thị Thùy Quyên	Nữ	1982		1539-2018-008-1	10/10/2017	01/01/2018	31/12/2022	01/01/2021	31/12/2021
23	Lương Anh Vũ	Nam	1984		1832-2018-008-1	10/10/2017	01/01/2018	31/12/2022	01/01/2021	31/12/2021
24	Lê Hữu Phúc	Nam	1960		1236-2018-008-1	10/10/2017	01/01/2018	31/12/2022	01/01/2021	31/12/2021
25	Nguyễn Hoàng Đức	Nam	1976	Phó TGĐ/Giám đốc Chi nhánh Hà Nội	0368-2018-008-1	10/10/2017	01/01/2018	31/12/2022	01/01/2021	31/12/2021
26	Nguyễn Thị Tư	Nữ	1968	Phó Giám đốc Chi nhánh Hà Nội	0059-2018-008-1	10/10/2017	01/01/2018	31/12/2022	01/01/2021	31/12/2021
27	Nguyễn Văn Sâm	Nam	1966		0447-2018-008-1	10/10/2017	01/01/2018	31/12/2022	01/01/2021	31/12/2021
28	Trần Anh Tuấn	Nam	1981		1708-2018-008-1	10/10/2017	01/01/2018	31/12/2022	01/01/2021	31/12/2021

SL KTV	Tên kiểm toán viên	Giới tính	Năm sinh	Chức vụ	Số Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán	Ngày cấp	Thời hạn Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề		Thời hạn thực hiện kiểm toán cho đơn vị có	
							Ngày bắt đầu	Ngày kết thúc	Ngày bắt đầu	Ngày kết thúc
29	Lê Văn Khoa	Nam	1982		1794-2018-008-1	10/10/2017	01/01/2018	31/12/2022	01/01/2021	31/12/2021
30	Trần Kim Anh	Nam	1983		1907-2018-008-1	10/10/2017	01/01/2018	31/12/2022	01/01/2021	31/12/2021
31	Nguyễn Văn Kiên	Nam	1971	Phó Tổng Giám đốc/Giám đốc Chi nhánh Nha Trang	0192-2018-008-1	10/10/2017	01/01/2018	31/12/2022	01/01/2021	31/12/2021
32	Phan Thị Ngọc Trâm	Nữ	1976	Phó Giám đốc Chi nhánh Nha Trang	0979-2018-008-1	10/10/2017	01/01/2018	31/12/2022	01/01/2021	31/12/2021
33	Hàng Quỳnh Hạnh	Nữ	1979		0963-2018-008-1	10/10/2017	01/01/2018	31/12/2022	01/01/2021	31/12/2021
34	Nguyễn Thị Kim Hồng	Nữ	1982		1513-2018-008-1	10/10/2017	01/01/2018	31/12/2022	01/01/2021	31/12/2021
35	Nguyễn Hữu Danh	Nam	1976	Phó Giám đốc CN Cần Thơ	1242-2018-008-1	10/10/2017	01/01/2018	31/12/2022	01/01/2021	31/12/2021
36	Nguyễn Thị Bé Ghi	Nữ	1982		2646-2018-008-1	10/10/2017	01/01/2018	31/12/2022	01/01/2021	31/12/2021
37	Nguyễn Ngọc Quyên	Nữ	1986		2616-2018-008-1	10/10/2017	01/01/2018	31/12/2022	01/01/2021	31/12/2021
38	Vũ Minh Khôi	Nam	1987		2897-2020-008-1	14/10/2019	01/01/2020	31/12/2024	01/01/2021	31/12/2021
39	Nguyễn Thị Minh Hà	Nữ	1987		2743-2020-008-1	14/10/2019	01/01/2020	31/12/2024	01/01/2021	31/12/2021
40	Trần Thị Cẩm Vân	Nữ	1987		3215-2020-008-1	14/10/2019	01/01/2020	31/12/2024	01/01/2021	31/12/2021
41	Nguyễn Quốc Ngữ	Nam	1982	Giám đốc chi nhánh Cần Thơ	3089-2020-008-1	14/10/2019	01/01/2020	31/12/2024	01/01/2021	31/12/2021
42	Hồ Thị Kim Phi	Nữ	1988		3136-2020-008-1	14/10/2019	01/01/2020	31/12/2024	01/01/2021	31/12/2021
43	Trần Bảo Thanh	Nữ	1988		3154-2020-008-1	14/10/2019	01/01/2020	31/12/2024	01/01/2021	31/12/2021

SL KTV	Tên kiểm toán viên	Giới tính	Năm sinh	Chức vụ	Số Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán	Ngày cấp	Thời hạn Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề		Thời hạn thực hiện kiểm toán cho đơn vị có	
							Ngày bắt đầu	Ngày kết thúc	Ngày bắt đầu	Ngày kết thúc
44	Trần Thanh Thảo	Nữ	1979		0932-2017-008-1	26/10/2017	26/10/2017	31/12/2021	01/01/2021	31/12/2021
45	Lê Trọng Toàn	Nam	1986		2963-2020-008-1	14/10/2019	01/01/2020	31/12/2024	01/01/2021	31/12/2021
46	Phan Cao Huyền	Nữ	1989		3523-2021-008-1	02/11/2020	01/01/2021	31/12/2025	01/01/2021	31/12/2021
47	Phạm Huỳnh Anh Thư	Nữ	1989		3537-2021-008-1	02/11/2020	01/01/2021	31/12/2025	01/01/2021	31/12/2021
48	Phạm Mỹ Tuyên	Nữ	1986		3596-2021-008-1	02/11/2020	01/01/2021	31/12/2025	01/01/2021	31/12/2021
49	Nguyễn Thùy Trang	Nữ	1988		3592-2021-008-1	02/11/2020	01/01/2021	31/12/2025	01/01/2021	31/12/2021
50	Phạm Thị Tố Như	Nữ	1986		3574-2021-008-1	02/11/2020	01/01/2021	31/12/2025	01/01/2021	31/12/2021
51	Nguyễn Hữu Nghi	Nam	1988		3132-2020-008-1	14/10/2019	01/01/2020	31/12/2024	01/01/2021	31/12/2021
52	Ngô Minh Tâm	Nam	1990		3867-2017-008-1	26/10/2017	26/10/2017	31/12/2021	01/01/2021	31/12/2021
53	Phạm Bửu Đức	Nam	1987		3928-2017-008-1	26/10/2017	26/10/2017	31/12/2021	01/01/2021	31/12/2021
54	Lê Đình Long	Nam	1989		4161-2017-008-1	26/10/2017	26/10/2017	31/12/2021	01/01/2021	31/12/2021
55	Vũ Tuấn Nghĩa	Nam	1988		4028-2017-008-1	26/10/2017	26/10/2017	31/12/2021	01/01/2021	31/12/2021
8. Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam (#009)										
1	Đặng Thị Mỹ Vân	Nữ	1965	Tổng Giám đốc	0173-2018-009-1	05/10/2017	01/01/2018	31/12/2022	01/01/2021	31/12/2021
2	Bùi Tuyết Vân	Nữ	1967	Phó Tổng Giám đốc	0071-2018-009-1	05/10/2017	01/01/2018	31/12/2022	01/01/2021	31/12/2021

SL KTV	Tên kiểm toán viên	Giới tính	Năm sinh	Chức vụ	Số Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán	Ngày cấp	Thời hạn Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề		Thời hạn thực hiện kiểm toán cho đơn vị có	
							Ngày bắt đầu	Ngày kết thúc	Ngày bắt đầu	Ngày kết thúc
3	Nguyễn Thị Thanh Minh	Nữ	1954		0068-2018-009-1	05/10/2017	01/01/2018	31/12/2022	01/01/2021	31/12/2021
4	Phạm Thị Ngọc Liên	Nữ	1980	Phó Tổng Giám đốc	1180-2018-009-1	05/10/2017	01/01/2018	31/12/2022	01/01/2021	31/12/2021
5	Nguyễn Ngọc Thùy Dung	Nữ	1984		2782-2019-009-1	29/10/2018	01/01/2019	31/12/2023	01/01/2021	31/12/2021
6	Phan Thị Mỹ Huệ	Nữ	1963	Phó Tổng Giám đốc	0536-2021-009-1	04/11/2020	01/01/2021	31/12/2025	01/01/2021	31/12/2021
7	Trang Đắc Nha	Nam	1981	Phó Tổng Giám đốc/Giám đốc CN Cần Thơ	2111-2018-009-1	05/10/2017	01/01/2018	31/12/2022	01/01/2021	31/12/2021
8	Nguyễn Thị Ngọc Bích	Nữ	1975	Phó Giám đốc CN Cần Thơ	0600-2018-009-1	05/10/2017	01/01/2018	31/12/2022	01/01/2021	31/12/2021
9	Ong Thế Đức	Nam	1978	Giám đốc CN phía Bắc	0855-2018-009-1	05/10/2017	01/01/2018	31/12/2022	01/01/2021	31/12/2021
10	Lê Viết Cường	Nam	1984	Phó Giám đốc CN phía Bắc	2478-2018-009-1	05/10/2017	01/01/2018	31/12/2022	01/01/2021	31/12/2021
11	Huỳnh Tấn Phát	Nam	1965	Giám đốc chi nhánh miền Trung	2732-2018-009-1	05/10/2017	01/01/2018	31/12/2022	01/01/2021	31/12/2021
12	Lê Ngọc Hải	Nam	1955		0179-2018-009-1	05/10/2017	01/01/2018	31/12/2022	01/01/2021	31/12/2021
13	Nguyễn Trung Thành	Nam	1981		1673-2018-009-1	05/10/2017	01/01/2018	31/12/2022	01/01/2021	31/12/2021
14	Đỗ Chí Liễu	Nam	1983		3233-2020-009-1	16/10/2019	01/01/2020	31/12/2024	01/01/2021	31/12/2021
15	Phạm Tuấn Vũ	Nam	1982	Phó Giám đốc CN phía Bắc	2030-2018-009-1	05/10/2017	01/01/2018	31/12/2022	01/01/2021	31/12/2021
16	Nguyễn Thị Thùy Trang	Nữ	1988		4128-2017-009-1	14/08/017	14/08/017	31/12/2021	01/01/2021	31/12/2021
17	Đặng Ngọc Khánh	Nam	1984		2505-2019-009-1	05/9/2019	05/9/2019	31/12/2023	01/01/2021	31/12/2021

SL KTV	Tên kiểm toán viên	Giới tính	Năm sinh	Chức vụ	Số Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán	Ngày cấp	Thời hạn Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề		Thời hạn thực hiện kiểm toán cho đơn vị có	
							Ngày bắt đầu	Ngày kết thúc	Ngày bắt đầu	Ngày kết thúc
18	Trần Thị Lan	Nữ	1988		4157-2018-009-1	12/11/2018	12/11/2018	31/12/2021	01/01/2021	31/12/2021
19	Phạm Quang Khải	Nam	1989		4018-2019-009-1	05/9/2019	05/9/2019	31/12/2021	01/01/2021	31/12/2021
20	Trần Đình Dũng	Nam	1981		1788-2018-009-1	05/10/2017	01/01/2018	31/12/2022	01/01/2021	31/12/2021
21	Nguyễn Đăng Sỹ	Nam	1986		3725-2021-009-1	04/11/2020	01/01/2021	31/12/2025	01/01/2021	31/12/2021
9. Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC (#010)										
1	Phan Xuân Vạn	Nam	1964	Tổng Giám đốc	0102-2018-010-1	10/10/2017	01/01/2018	31/12/2022	01/01/2021	31/12/2021
2	Lê Khắc Minh	Nam	1957	Phó Tổng Giám đốc	0103-2018-010-1	10/10/2017	01/01/2018	31/12/2022	01/01/2021	31/12/2021
3	Trương Ngọc Thu	Nam	1964		0105-2018-010-1	10/10/2017	01/01/2018	31/12/2022	01/01/2021	31/12/2021
4	Trần Thị Phương Lan	Nữ	1975		0396-2018-010-1	10/10/2017	01/01/2018	31/12/2022	01/01/2021	31/12/2021
5	Huỳnh Thị Loan	Nữ	1968		0203-2018-010-1	10/10/2017	01/01/2018	31/12/2022	01/01/2021	31/12/2021
6	Trần Thị Thu Hiền	Nữ	1974		0753-2018-010-1	10/10/2017	01/01/2018	31/12/2022	01/01/2021	31/12/2021
7	Lâm Quang Tú	Nam	1977		1031-2018-010-1	10/10/2017	01/01/2018	31/12/2022	01/01/2021	31/12/2021
8	Ngô Thị Kim Anh	Nữ	1980		1100-2018-010-1	10/10/2017	01/01/2018	31/12/2022	01/01/2021	31/12/2021
9	Đinh Thị Ngọc Thùy	Nữ	1981		1463-2018-010-1	10/10/2017	01/01/2018	31/12/2022	01/01/2021	31/12/2021
10	Trần Thị Nở	Nữ	1980		1135-2018-010-1	10/10/2017	01/01/2018	31/12/2022	01/01/2021	31/12/2021

SL KTV	Tên kiểm toán viên	Giới tính	Năm sinh	Chức vụ	Số Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán	Ngày cấp	Thời hạn Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề		Thời hạn thực hiện kiểm toán cho đơn vị có	
							Ngày bắt đầu	Ngày kết thúc	Ngày bắt đầu	Ngày kết thúc
11	Nguyễn Thị Quỳnh Hương	Nữ	1979		1321-2018-010-1	10/10/2017	01/01/2018	31/12/2022	01/01/2021	31/12/2021
12	Đỗ Thị Thanh Vân	Nữ	1982		1483-2018-010-1	10/10/2017	01/01/2018	31/12/2022	01/01/2021	31/12/2021
13	Nguyễn Thị Phương Nhung	Nữ	1983		1610-2018-010-1	10/10/2017	01/01/2018	31/12/2022	01/01/2021	31/12/2021
14	Nguyễn Thị Thúy	Nữ	1983		1622-2018-010-1	10/10/2017	01/01/2018	31/12/2022	01/01/2021	31/12/2021
15	Nguyễn Thị Ánh Nga	Nữ	1976	Giám đốc CN Tp Hồ Chí Minh	0809-2018-010-1	10/10/2017	01/01/2018	31/12/2022	01/01/2021	31/12/2021
16	Đỗ Thị Phượng Thủy	Nữ	1984		2970-2019-010-1	05/10/2018	01/01/2019	31/12/2023	01/01/2021	31/12/2021
17	Hà Minh Long	Nam	1979	Giám đốc Chi nhánh Hà Nội	1221-2018-010-1	10/10/2017	01/01/2018	31/12/2022	01/01/2021	31/12/2021
18	Nguyễn Văn Thiện	Nam	1985		3108-2020-010-1	01/10/2019	01/01/2020	31/12/2024	01/01/2021	31/12/2021
19	Thái Thị Ánh Nhung	Nữ	1987		3313-2020-10-1	01/10/2019	01/01/2020	31/12/2024	01/01/2021	31/12/2021
20	Dương Thị Vân Thanh	Nữ	1988		3671-2021-010-1	19/10/2020	01/01/2021	31/12/2025	01/01/2021	31/12/2021
21	Mai Bình Thanh	Nam	1974		2068-2018-010-1	10/10/2017	01/01/2018	31/12/2022	01/01/2021	31/12/2021
22	Dương Thị Hằng	Nữ	1990		3947-2017-010-1	28/7/2017	28/7/2017	31/12/2021	01/01/2021	31/12/2021
23	Nguyễn Thế Vinh	Nam	1986		4130-2017-010-1	28/7/2017	28/7/2017	31/12/2021	01/01/2021	31/12/2021
24	Nguyễn Thị Nhật Oanh	Nữ	1989		4031-2017-010-1	28/7/2017	28/7/2017	31/12/2021	01/01/2021	31/12/2021
25	Phan Văn Sĩ	Nam	1988		4040-2017-010-1	28/7/2017	28/7/2017	31/12/2021	01/01/2021	31/12/2021

SL KTV	Tên kiểm toán viên	Giới tính	Năm sinh	Chức vụ	Số Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán	Ngày cấp	Thời hạn Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề		Thời hạn thực hiện kiểm toán cho đơn vị có	
							Ngày bắt đầu	Ngày kết thúc	Ngày bắt đầu	Ngày kết thúc
26	Trần Xuân Quang	Nam	1990		4492-2018-010-1	12/10/2018	12/10/2018	31/12/2022	01/01/2021	31/12/2021
27	Nguyễn Quốc Hùng	Nam	1988		4573-2018-010-1	12/10/2018	12/10/2018	31/12/2022	01/01/2021	31/12/2021
28	Đinh Ngọc Hồng Hạnh	Nữ	1989		4452-2018-010-1	12/10/2018	12/10/2018	31/12/2022	01/01/2021	31/12/2021
10. Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán Hà Nội (#016)										
1	Lê Văn Dò	Nam	1960	Tổng Giám đốc	0231-2018-016-1	10/10/2017	01/01/2018	31/12/2022	01/01/2021	31/12/2021
2	Nguyễn Thị Phần	Nữ	1971		0928-2018-016-1	10/10/2017	01/01/2018	31/12/2022	01/01/2021	31/12/2021
3	Đặng Ngọc Phần	Nam	1978		2459-2018-016-1	10/10/2017	01/01/2018	31/12/2022	01/01/2021	31/12/2021
4	Nguyễn Minh Tuệ	Nữ	1976		2726-2018-016-1	10/10/2017	01/01/2018	31/12/2022	01/01/2021	31/12/2021
5	Nguyễn Thị Thúy Nga	Nữ	1976		0925-2018-016-1	10/10/2017	01/01/2018	31/12/2022	01/01/2021	31/12/2021
6	Đào Vân Anh	Nữ	1978		1365-2018-016-1	10/10/2017	01/01/2018	31/12/2022	01/01/2021	31/12/2021
7	Trần Ngọc Huân	Nam	1972		3517-2020-016-1	05/11/2019	01/01/2020	31/12/2024	01/01/2021	31/12/2021
8	Nguyễn Thị Thanh Loan	Nữ	1981		3510-2020-016-1	05/11/2019	01/01/2020	31/12/2024	01/01/2021	31/12/2021
9	Vũ Thị Hoài Trâm	Nữ	1983		2384-2019-016-1	07/11/2018	01/01/2019	31/12/2023	01/01/2021	31/12/2021
10	Phạm Thu Thảo	Nữ	1985		3256-2020-016-1	05/11/2019	01/01/2020	31/12/2024	01/01/2021	31/12/2021
11	Nguyễn Tuy	Nam	1937		0384-2018-016-1	10/10/2017	01/01/2018	31/12/2022	01/01/2021	31/12/2021

SL KTV	Tên kiểm toán viên	Giới tính	Năm sinh	Chức vụ	Số Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán	Ngày cấp	Thời hạn Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề		Thời hạn thực hiện kiểm toán cho đơn vị có	
							Ngày bắt đầu	Ngày kết thúc	Ngày bắt đầu	Ngày kết thúc
12	Lê Văn Tuấn	Nam	1978		1695-2018-016-1	10/10/2017	01/01/2018	31/12/2022	01/01/2021	31/12/2021
13	Hồ Đình Phúc	Nam	1976		1268-2018-016-1	10/10/2017	01/01/2018	31/12/2022	01/01/2021	31/12/2021
14	Nguyễn Thị Lệ Hồng Thu	Nữ	1984		2659-2018-016-1	10/10/2017	01/01/2018	31/12/2022	01/01/2021	31/12/2021
15	Trần Văn Dũng	Nam	1979		2006-2018-016-1	10/10/2017	01/01/2018	31/12/2022	01/01/2021	31/12/2021
16	Lê Văn Hưng	Nam	1987		3746-2021-016-1	02/11/2020	01/01/2021	31/12/2025	01/01/2021	31/12/2021
17	Nguyễn Ngọc Tinh	Nam	1964	Chủ tịch Hội đồng thành viên	0132-2018-016-1	10/10/2017	01/01/2018	31/12/2022	01/01/2021	31/12/2021
18	Nguyễn Thị Gấm	Nữ	1972		1082-2018-016-1	10/10/2017	01/01/2018	31/12/2022	01/01/2021	31/12/2021
19	Nguyễn Trần Hằng Phương	Nữ	1986		3194-2021-016-1	02/11/2020	01/01/2021	31/12/2025	01/01/2021	31/12/2021
20	Phan Thế Linh	Nam	1979		4543-2018-016-1	01/10/2018	01/10/2018	31/12/2022	01/01/2021	31/12/2021
21	Nguyễn Tổng Trúc Phương	Nữ	1986		3193-2020-016-1	23/6/2020	23/6/2020	31/12/2021	01/01/2021	31/12/2021
11. Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam (#026)										
1	Đặng Xuân Cảnh	Nam	1959	Tổng Giám đốc	0067-2018-026-1	16/10/2017	01/01/2018	31/12/2022	01/01/2021	31/12/2021
2	Lục Thị Vân	Nữ	1968	Phó Tổng Giám đốc	0172-2018-026-1	16/10/2017	01/01/2018	31/12/2022	01/01/2021	31/12/2021
3	Lê Khánh Lâm	Nam	1969	Phó Tổng Giám đốc	0267-2018-026-1	16/10/2017	01/01/2018	31/12/2022	01/01/2021	31/12/2021
4	Đặng Thị Hồng Loan	Nữ	1973	Phó Tổng Giám đốc	0425-2018-026-1	16/10/2017	01/01/2018	31/12/2022	01/01/2021	31/12/2021

SL KTV	Tên kiểm toán viên	Giới tính	Năm sinh	Chức vụ	Số Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán	Ngày cấp	Thời hạn Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề		Thời hạn thực hiện kiểm toán cho đơn vị có	
							Ngày bắt đầu	Ngày kết thúc	Ngày bắt đầu	Ngày kết thúc
5	Nguyễn Thị Liên Hương	Nữ	1981		1517-2018-026-1	16/10/2017	01/01/2018	31/12/2022	01/01/2021	31/12/2021
6	Đặng Thị Trúc Phương	Nữ	1983		1724-2017-026-1	22/02/2017	22/02/2017	31/12/2021	01/01/2021	31/12/2021
7	Nguyễn Thụy Nhã Vy	Nữ	1982		1875-2018-026-1	16/10/2017	01/01/2018	31/12/2022	01/01/2021	31/12/2021
8	Trịnh Thanh Thanh	Nữ	1986		2820-2020-026-1	31/10/2019	01/01/2020	31/12/2024	01/01/2021	31/12/2021
9	Lý Trung Thành	Nam	1985		2822-2020-026-1	31/10/2019	01/01/2020	31/12/2024	01/01/2021	31/12/2021
10	Hoàng Thị Thu Trang	Nữ	1986		3260-2020-026-1	31/10/2019	01/01/2020	31/12/2024	01/01/2021	31/12/2021
11	Phan Thị Thu Hường	Nữ	1987		3124-2020-026-1	31/10/2019	01/01/2020	31/12/2024	01/01/2021	31/12/2021
12	Lê Võ Thùy Linh	Nữ	1989		3525-2021-026-1	04/11/2020	01/01/2021	31/12/2025	01/01/2021	31/12/2021
13	Phan Hoài Nam	Nam	1989		3527-2021-026-1	04/11/2020	01/01/2021	31/12/2025	01/01/2021	31/12/2021
14	Nguyễn Thành Lâm	Nam	1974	Phó TGD/GĐ Chi nhánh Hà Nội	0299-2018-026-1	16/10/2017	01/01/2018	31/12/2022	01/01/2021	31/12/2021
15	Lê Văn Hoài	Nam	1943		0023-2018-026-1	16/10/2017	01/01/2018	31/12/2022	01/01/2021	31/12/2021
16	Hoàng Thị Vinh	Nữ	1982		1678-2018-026-1	16/10/2017	01/01/2018	31/12/2022	01/01/2021	31/12/2021
17	Huỳnh Thị Bích Liễu	Nữ	1988		3902-2018-026-1	12/12/2017	12/12/2017	31/12/2021	01/01/2021	31/12/2021
18	Hoàng Anh Tú	Nam	1992		4413-2020-026-1	09/01/2020	09/01/2020	31/12/2022	22/01/2021	31/12/2021
	Trần Dương Nghĩa	Nam	1981	Phó TGD/GĐ Chi nhánh miền Trung	1309-2018-026-1	16/10/2017	01/01/2018	31/12/2022	01/01/2021	31/12/2021

SL KTV	Tên kiểm toán viên	Giới tính	Năm sinh	Chức vụ	Số Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán	Ngày cấp	Thời hạn Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề		Thời hạn thực hiện kiểm toán cho đơn vị có	
							Ngày bắt đầu	Ngày kết thúc	Ngày bắt đầu	Ngày kết thúc
12. Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam (VAE) #034										
1	Trần Quốc Tuấn	Nam	1970	Tổng Giám đốc	0148-2018-034-1	16/10/2017	01/01/2018	31/12/2022	01/01/2021	31/12/2021
2	Phạm Ngọc Toàn	Nam	1944	Phó Tổng Giám đốc	0024-2018-034-1	16/10/2017	01/01/2018	31/12/2022	01/01/2021	31/12/2021
3	Phạm Hùng Sơn	Nam	1975	Phó Tổng Giám đốc	0813-2018-034-1	16/10/2017	01/01/2018	31/12/2022	01/01/2021	31/12/2021
4	Nguyễn Thị Hồng Vân	Nữ	1979	Giám đốc	0946-2018-034-1	16/10/2017	01/01/2018	31/12/2022	01/01/2021	31/12/2021
5	Ngô Bá Duy	Nam	1980	Giám đốc	1107-2018-034-1	16/10/2017	01/01/2018	31/12/2022	01/01/2021	31/12/2021
6	Đặng Thị Thu Huyền	Nữ	1977	Phó Giám đốc	1410-2018-034-1	16/10/2017	01/01/2018	31/12/2022	01/01/2021	31/12/2021
7	Lê Thị Thu Hằng	Nữ	1972	Phó Giám đốc	0440-2018-034-1	16/10/2017	01/01/2018	31/12/2022	01/01/2021	31/12/2021
8	Huỳnh Văn Dũng	Nam	1969	Phó Tổng Giám đốc/ Giám đốc Chi nhánh Tp Hồ Chí Minh	0047-2018-034-1	16/10/2017	01/01/2018	31/12/2022	01/01/2021	31/12/2021
9	Âu Dương Uyển Phần	Nữ	1972	Phó Giám đốc Chi nhánh Tp Hồ Chí Minh	1347-2018-034-1	16/10/2017	01/01/2018	31/12/2022	01/01/2021	31/12/2021
10	Bùi Trần Việt	Nam	1979	Giám đốc	1485-2018-034-1	16/10/2017	01/01/2018	31/12/2022	01/01/2021	31/12/2021
11	Phạm Thị Hiền	Nữ	1986	Phó Giám đốc	2449-2018-034-1	16/10/2017	01/01/2018	31/12/2022	01/01/2021	31/12/2021
12	Cao Việt Hồng	Nữ	1975		1231-2021-034-1	21/10/2020	01/01/2021	31/12/2025	01/01/2021	31/12/2021
13	Ngô Bá Thiêm	Nam	1985		3422-2020-034-1	01/10/2019	01/01/2020	31/12/2024	01/01/2021	31/12/2021

SL KTV	Tên kiểm toán viên	Giới tính	Năm sinh	Chức vụ	Số Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán	Ngày cấp	Thời hạn Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề		Thời hạn thực hiện kiểm toán cho đơn vị có	
							Ngày bắt đầu	Ngày kết thúc	Ngày bắt đầu	Ngày kết thúc
14	Đoàn Thị Cẩm Ngân	Nữ	1981		3188-2020-034-1	01/10/2019	01/01/2020	31/12/2024	01/01/2021	31/12/2021
15	Đặng Thị Thu Hằng	Nữ	1983		3744-2021-034-1	21/10/2020	01/01/2021	31/12/2025	01/01/2021	31/12/2021
16	Phạm Thanh Ngọc	Nữ	1977	Phó Tổng Giám đốc	1011-2018-034-1	16/10/2017	01/01/2018	31/12/2022	01/01/2021	31/12/2021
17	Bùi Văn Quang	Nam	1991		4403-2018-034-1	12/09/2018	31/12/2022	31/12/2022	01/01/2021	31/12/2021
13. Công ty TNHH Kiểm toán Tư vấn Đất Việt (#037)										
1	Võ Thế Hoàng	Nam	1971	Tổng Giám đốc	0484-2018-037-1	25/10/2017	01/01/2018	31/12/2022	01/01/2021	31/12/2021
2	Nguyễn Cao Hoài Thu	Nữ	1974	Phó Tổng Giám đốc	0474-2018-037-1	25/10/2017	01/01/2018	31/12/2022	01/01/2021	31/12/2021
3	Nguyễn Thị Thơm	Nữ	1972	Phó Tổng Giám đốc	0787-2018-037-1	25/10/2017	01/01/2018	31/12/2022	01/01/2021	31/12/2021
4	Lê Thị Bích Ngọc	Nữ	1964		1817-2018-037-1	25/10/2017	01/01/2018	31/12/2022	01/01/2021	31/12/2021
5	Nguyễn Văn Tài	Nam	1978		1270-2018-037-1	25/10/2017	01/01/2018	31/12/2022	01/01/2021	31/12/2021
6	Nguyễn Ngọc Tú	Nam	1985	Giám đốc chi nhánh Hà Nội	2305-2018-037-1	25/10/2017	01/01/2018	31/12/2022	01/01/2021	31/12/2021
7	Hoàng Đình Hải	Nam	1985	Phó Giám đốc Chi nhánh Hà Nội	2282-2018-037-1	25/10/2017	01/01/2018	31/12/2022	01/01/2021	31/12/2021
8	Lê Thế Thanh	Nam	1980		2372-2018-037-1	25/10/2017	01/01/2018	31/12/2022	01/01/2021	31/12/2021
9	Nguyễn Đình Thắng	Nam	1983		1624-2018-037-1	25/10/2017	01/01/2018	31/12/2022	01/01/2021	31/12/2021
10	Phạm Thanh Tùng	Nam	1985		2304-2018-037-1	25/10/2017	01/01/2018	31/12/2022	01/01/2021	31/12/2021

SL KTV	Tên kiểm toán viên	Giới tính	Năm sinh	Chức vụ	Số Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán	Ngày cấp	Thời hạn Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề		Thời hạn thực hiện kiểm toán cho đơn vị có	
							Ngày bắt đầu	Ngày kết thúc	Ngày bắt đầu	Ngày kết thúc
11	Chu Ngọc Tuấn	Nam	1986		3107-2020-037-1	01/10/2019	01/01/2020	31/12/2024	01/01/2021	31/12/2021
12	Nguyễn Thành Nam	Nam	1982		3528-2021-037-1	20/10/2020	01/01/2021	31/12/2025	01/01/2021	31/12/2021
13	Nguyễn Mai Lan	Nữ	1980	GD chi nhánh Miền Bắc	1425-2018-037-1	12/10/2018	12/10/2018	31/12/2022	01/01/2021	31/12/2021
14	Nguyễn Ngọc Quang	Nam	1986	Phó GD chi nhánh Miền Bắc	4036-2019-037-1	03/10/2019	03/10/2019	31/12/2021	01/01/2021	31/12/2021
15	Trương Thị Hoài Anh	Nữ	1986		2446-2019-037-1	26/06/2019	26/06/2019	31/12/2022	01/01/2021	31/12/2021
16	Vũ Trường Giang	Nam	1983		4145-2017-037-1	25/10/2017	25/10/2017	31/12/2021	01/01/2021	31/12/2021
17	Nguyễn Nam Anh	Nam	1989		4218-2018-037-1	28/08/2018	28/08/2018	31/12/2022	01/01/2021	31/12/2021
18	Trần Thọ Đức Tiến	Nam	1988		4325-2018-037-1	28/08/2018	28/08/2018	31/12/2022	01/01/2021	31/12/2021
19	Phạm Thị Mai Hương	Nữ	1987		3747-2020-037-1	02/03/2020	02/03/2020	31/12/2024	01/01/2021	31/12/2021
20	Văn Nam Hải	Nam	1976	Phó Tổng Giám đốc	0832-2018-037-1	25/10/2017	01/01/2018	31/12/2022	01/01/2021	31/12/2021
21	Phạm Thị Ánh Dương	Nữ	1983		2698-2018-037-1	25/10/2017	01/01/2018	31/12/2022	01/01/2021	31/12/2021
22	Nguyễn Thị Quỳnh Thơ	Nữ	1990		3981-2020-037-1	12/09/2020	12/09/2020	31/12/2021	01/01/2021	31/12/2021
14. Công ty TNHH Kiểm toán BDO (#038)										
1	Mai Lan Phương	Nữ	1961	Tổng Giám đốc	0077-2018-038-1	03/10/2017	01/01/2018	31/12/2022	01/01/2021	31/12/2021
2	Phạm Tiến Hùng	Nam	1978	Phó Tổng Giám đốc	0752-2018-038-1	03/10/2017	01/01/2018	31/12/2022	01/01/2021	31/12/2021

SL KTV	Tên kiểm toán viên	Giới tính	Năm sinh	Chức vụ	Số Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán	Ngày cấp	Thời hạn Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề		Thời hạn thực hiện kiểm toán cho đơn vị có	
							Ngày bắt đầu	Ngày kết thúc	Ngày bắt đầu	Ngày kết thúc
3	Bùi Văn Vương	Nam	1978	Phó Tổng Giám độc	0780-2018-038-1	03/10/2017	01/01/2018	31/12/2022	01/01/2021	31/12/2021
4	Nguyễn Thị Thúy Nga	Nữ	1974	Giám đốc Chi nhánh	0428-2018-038-1	03/10/2017	01/01/2018	31/12/2022	01/01/2021	31/12/2021
5	Nguyễn Thùy Hoa	Nữ	1975	Phó Giám đốc Chi nhánh	0423-2018-038-1	03/10/2017	01/01/2018	31/12/2022	01/01/2021	31/12/2021
6	Trần Thị Mai Hương	Nữ	1975	Phó Giám đốc Chi nhánh	0417-2018-038-1	03/10/2017	01/01/2018	31/12/2022	01/01/2021	31/12/2021
7	Phạm Thị Vân	Nữ	1982		1830-2018-038-1	03/10/2017	01/01/2018	31/12/2022	01/01/2021	31/12/2021
8	Nguyễn Thị Thanh	Nữ	1971		0185-2018-038-1	03/10/2017	01/01/2018	31/12/2022	01/01/2021	31/12/2021
9	Lê Thị Minh Hồng	Nữ	1984		1922-2018-038-1	03/10/2017	01/01/2018	31/12/2022	01/01/2021	31/12/2021
10	Vũ Thu Hương	Nữ	1985		2096-2018-038-1	03/10/2017	01/01/2018	31/12/2022	01/01/2021	31/12/2021
11	Vũ Thị Thu Hương	Nữ	1973		1041-2018-038-1	03/10/2017	01/01/2018	31/12/2022	01/01/2021	31/12/2021
12	Phạm Thị Tú	Nữ	1983		2581-2018-038-1	03/10/2017	01/01/2018	31/12/2022	01/01/2021	31/12/2021
13	Nguyễn Thị Lan Hoa	Nữ	1979		2003-2018-038-1	03/10/2017	01/01/2018	31/12/2022	01/01/2021	31/12/2021
14	Nguyễn Tuấn Anh	Nam	1984		1906-2018-038-1	01/02/2018	01/02/2018	31/12/2022	01/01/2021	31/12/2021
15	Phạm Hồng Minh	Nữ	1987		3356-2020-038-1	31/10/2019	01/01/2020	31/12/2024	01/01/2021	31/12/2021
16	Vũ Thị Thu Hằng	Nữ	1982		4007-2017-038-1	02/08/2017	02/08/2017	31/12/2021	01/01/2021	31/12/2021
17	Trương Hoàng Hùng	Nam	1960		0072-2019-038-1	26/07/2019	26/07/2019	31/12/2023	01/01/2021	31/12/2021

SL KTV	Tên kiểm toán viên	Giới tính	Năm sinh	Chức vụ	Số Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán	Ngày cấp	Thời hạn Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề		Thời hạn thực hiện kiểm toán cho đơn vị có	
							Ngày bắt đầu	Ngày kết thúc	Ngày bắt đầu	Ngày kết thúc
18	Nguyễn Thị Thanh Hương	Nữ	1989		3522-2018-038-1	25/01/2018	25/01/2018	31/12/2022	01/01/2021	31/12/2021
19	Nguyễn Thùy Linh	Nữ	1992		4648-2018-038-1	14/11/2018	14/11/2018	31/12/2022	01/01/2021	31/12/2021
15. Công ty TNHH Kiểm toán DFK Việt Nam (#042)										
1	Nguyễn Lương Nhân	Nam	1969	Giám đốc	0182-2018-042-1	16/10/2017	01/01/2018	31/12/2022	01/01/2021	31/12/2021
2	Đặng Thị Thùy Trang	Nữ	1980		2063-2018-042-1	16/10/2017	01/01/2018	31/12/2022	01/01/2021	31/12/2021
3	Phạm Thế Hưng	Nam	1974	Phó Giám đốc chi nhánh Hà Nội	0495-2018-042-1	16/10/2017	01/01/2018	31/12/2022	01/01/2021	31/12/2021
4	Nguyễn Tiến Dũng	Nam	1977	Giám đốc chi nhánh Hà Nội	0800-2018-042-1	16/10/2017	01/01/2018	31/12/2022	01/01/2021	31/12/2021
5	Vũ Văn Sang	Nam	1977		1986-2018-042-1	16/10/2017	01/01/2018	31/12/2022	01/01/2021	31/12/2021
6	Nguyễn Thanh Tuấn	Nam	1985		2301-2018-042-1	16/10/2017	01/01/2018	31/12/2022	01/01/2021	31/12/2021
7	Nguyễn Anh Tuấn	Nam	1979	Phó Giám đốc	0985-2018-042-1	16/10/2017	01/01/2018	31/12/2022	01/01/2021	31/12/2021
8	Lê Đình Huyền	Nam	1980		1756-2018-042-1	16/10/2017	01/01/2018	31/12/2022	01/01/2021	31/12/2021
9	Nguyễn Cảnh	Nam	1979	Giám đốc chi nhánh Bình Dương	1239-2018-042-1	16/10/2017	01/01/2018	31/12/2022	01/01/2021	31/12/2021
10	Trần Thị Thanh Xuân	Nữ	1982	Phó Giám đốc chi nhánh Bình Dương	1849-2018-042-1	16/10/2017	01/01/2018	31/12/2022	01/01/2021	31/12/2021
11	Bùi Văn Bổng	Nam	1966	Phó Giám đốc	0177-2018-042-1	16/10/2017	01/01/2018	31/12/2022	01/01/2021	31/12/2021
12	Phạm Thị Quỳnh Dung	Nữ	1985		2846-2020-042-1	05/11/2019	01/01/2020	31/12/2024	01/01/2021	31/12/2021

SL KTV	Tên kiểm toán viên	Giới tính	Năm sinh	Chức vụ	Số Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán	Ngày cấp	Thời hạn Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề		Thời hạn thực hiện kiểm toán cho đơn vị có	
							Ngày bắt đầu	Ngày kết thúc	Ngày bắt đầu	Ngày kết thúc
13	Nguyễn Ngọc Tịnh	Nam	1985		3200-2020-042-1	05/11/2019	01/01/2020	31/12/2024	01/01/2021	31/12/2021
14	Trịnh Hồng Khánh	Nam	1986		2792-2020-042-1	05/11/2019	01/01/2020	31/12/2024	01/01/2021	31/12/2021
15	Phạm Đức Thắng	Nam	1987		3208-2020-042-1	05/11/2019	01/01/2020	31/12/2024	01/01/2021	31/12/2021
16	Phan Đức Danh	Nam	1984		2080-2018-042-1	07/12/2017	01/01/2018	31/12/2022	01/01/2021	31/12/2021
16. Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Thăng Long - T.D.K (#045)										
1	Từ Quỳnh Hạnh	Nữ	1961	Tổng Giám đốc	0313-2018-045-1	16/10/2017	01/01/2018	31/12/2022	01/01/2021	31/12/2021
2	Nguyễn Tiến Thành	Nam	1981	Phó Tổng Giám đốc	1706-2018-045-1	16/10/2017	01/01/2018	31/12/2022	01/01/2021	31/12/2021
3	Nguyễn Văn Dũng	Nam	1957	Phó Tổng Giám đốc/ Giám đốc chi nhánh miền Nam	0346-2018-045-1	16/10/2017	01/01/2018	31/12/2022	01/01/2021	31/12/2021
4	Nguyễn Quý Trọng	Nam	1984	Phó Tổng Giám đốc	4328-2018-045-1	18/10/2018	18/10/2018	31/12/2022	01/01/2021	31/12/2021
5	Lê Quý Hải	Nam	1958		0457-2018-045-1	16/10/2017	01/01/2018	31/12/2022	01/01/2021	31/12/2021
6	Nguyễn Công Thiện	Nam	1959		0221-2018-045-1	16/10/2017	01/01/2018	31/12/2022	01/01/2021	31/12/2021
7	Đào Ngọc Hoàng	Nam	1964	Giám đốc chi nhánh tại Tp Đà Nẵng	0106-2018-045-1	16/10/2017	01/01/2018	31/12/2022	01/01/2021	31/12/2021
8	Nguyễn Xuân Bình	Nam	1980	Phó Giám đốc chi nhánh Hà Nội	2476-2019-045-1	18/10/2018	01/01/2019	31/12/2023	01/01/2021	31/12/2021
9	Nguyễn Hoàng Vụ	Nam	1982	Giám đốc chi nhánh khu vực miền Bắc	2004-2018-045-1	16/10/2017	01/01/2018	31/12/2022	01/01/2021	31/12/2021

SL KTV	Tên kiểm toán viên	Giới tính	Năm sinh	Chức vụ	Số Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán	Ngày cấp	Thời hạn Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề		Thời hạn thực hiện kiểm toán cho đơn vị có	
							Ngày bắt đầu	Ngày kết thúc	Ngày bắt đầu	Ngày kết thúc
10	Nguyễn Thị Minh Ngọc	Nữ	1987	Phó Giám đốc chi nhánh khu vực miền Bắc	2900-2019-045-1	18/10/2018	01/01/2019	31/12/2023	01/01/2021	31/12/2021
11	Phạm Minh Đức	Nam	1989		4371-2018-045-1	12/10/2018	12/10/2018	31/12/2022	01/01/2021	31/12/2021
12	Phan Văn Thuận	Nam	1980	Phó Tổng Giám đốc/ Giám đốc chi nhánh Hà Thành	2024-2018-045-1	16/10/2017	01/01/2018	31/12/2022	01/01/2021	31/12/2021
13	Nguyễn Xuân Thúy	Nam	1980	Giám đốc chi nhánh Long Biên	2574-2018-045-1	16/10/2017	01/01/2018	31/12/2022	01/01/2021	31/12/2021
14	Nguyễn Võ Hưng Thịnh	Nam	1983		2826-2020-045-1	01/10/2019	01/01/2020	31/12/2024	01/01/2021	31/12/2021
15	Vũ Kim Hồng	Nam	1983	Giám đốc chi nhánh Miền Bắc	3703-2021-045-1	30/10/2020	01/01/2021	31/12/2025	01/01/2021	31/12/2021
16	Nguyễn Đình Cửa	Nam	1985	Giám đốc chi nhánh Hà Nội	3388-2021-045-1	30/10/2020	01/01/2021	31/12/2025	01/01/2021	31/12/2021
17	Nguyễn Văn Thắng	Nam	1985		3377-2020-045-1	01/10/2019	01/01/2020	31/12/2024	01/01/2021	31/12/2021
18	Ngô Hoàng Việt	Nam	1984		4093-2017-045-1	28/08/2017	28/08/2017	31/12/2021	01/01/2021	31/12/2021
19	Nguyễn Minh Vũ	Nam	1989		4144-2017-045-1	16/10/2017	16/10/2017	31/12/2021	01/01/2021	31/12/2021
20	Đào Thị Linh Nguyên	Nữ	1986		3907-2017-045-1	16/10/2017	16/10/2017	31/12/2021	01/01/2021	31/12/2021
21	Nguyễn Minh Đức	Nam	1990		4449-2018-045-1	12/10/2018	12/10/2018	31/12/2022	01/01/2021	31/12/2021
22	Trương Thị Hương Nga	Nữ	1981		3715-2021-045-1	30/10/2020	01/01/2021	31/12/2025	01/01/2021	31/12/2021
23	Trần Thị Trang Dung	Nữ	1985		2982-2020-045-1	11/11/2020	11/11/2020	31/12/2022	22/01/2021	31/12/2021

SL KTV	Tên kiểm toán viên	Giới tính	Năm sinh	Chức vụ	Số Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán	Ngày cấp	Thời hạn Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề		Thời hạn thực hiện kiểm toán cho đơn vị có	
							Ngày bắt đầu	Ngày kết thúc	Ngày bắt đầu	Ngày kết thúc
17. Công ty TNHH Hãng Kiểm toán và Định giá ATC (#047)										
1	Lê Thành Công	Nam	1975	Chủ tịch Hội đồng thành viên/ Tổng Giám đốc	0498-2018-047-1	09/11/2017	01/01/2018	31/12/2022	01/01/2021	31/12/2021
2	Vũ Thế Hùng	Nam	1981	Phó Giám đốc	1604-2018-047-1	09/11/2017	01/01/2018	31/12/2022	01/01/2021	31/12/2021
3	Nguyễn Hồng Sơn	Nam	1968		1667-2018-047-1	09/11/2017	01/01/2018	31/12/2022	01/01/2021	31/12/2021
4	Phan Thanh Quân	Nam	1981		1974-2018-047-1	09/11/2017	01/01/2018	31/12/2022	01/01/2021	31/12/2021
5	Phạm Thị Khánh Hòa	Nữ	1986		3399-2020-047-1	01/10/2019	01/01/2020	31/12/2024	01/01/2021	31/12/2021
6	Dương Ngọc Hùng	Nam	1976	Phó Tổng Giám đốc/ Giám đốc Chi nhánh	1254-2018-047-1	09/11/2017	01/01/2018	31/12/2022	01/01/2021	31/12/2021
7	Lê Thành Công	Nam	1978		0953-2018-047-1	09/11/2017	01/01/2018	31/12/2022	01/01/2021	31/12/2021
8	Đỗ Thị Thanh Huyền	Nữ	1979		2421-2018-047-1	09/11/2017	01/01/2018	31/12/2022	01/01/2021	31/12/2021
9	Trần Thị Thanh Tú	Nữ	1986		3372-2020-047-1	01/10/2019	01/01/2020	31/12/2024	01/01/2021	31/12/2021
10	Tạ Quốc Huy	Nam	1989		3651-2021-047-1	16/10/2020	01/01/2021	31/12/2025	01/01/2021	31/12/2021
11	Trần Văn Nhị	Nam	1976	Phó Giám đốc	1265-2018-047-1	01/10/2018	01/10/2018	31/12/2022	01/01/2021	31/12/2021
12	Nguyễn Đức Huy	Nam	1976		1514-2018-047-1	01/10/2018	01/10/2018	31/12/2022	01/01/2021	31/12/2021
13	Lưu Lệ Hằng	Nữ	1984		2085-2018-047-1	01/10/2018	01/10/2018	31/12/2022	01/01/2021	31/12/2021

SL KTV	Tên kiểm toán viên	Giới tính	Năm sinh	Chức vụ	Số Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán	Ngày cấp	Thời hạn Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề		Thời hạn thực hiện kiểm toán cho đơn vị có	
							Ngày bắt đầu	Ngày kết thúc	Ngày bắt đầu	Ngày kết thúc
14	Nguyễn Sơn Tùng	Nam	1981	Phó Tổng Giám đốc	1480-2021-047-1	16/10/2020	01/01/2021	31/12/2025	01/01/2021	31/12/2021
15	Phan Đăng Quang	Nam	1989		4555-2018-047-1	28/09/2018	28/09/2018	31/12/2022	01/01/2021	31/12/2021
16	Lý Trí Hùng	Nam	1978	Giám đốc chi nhánh Hà Thành	1648-2020-047-1	02/03/2020	02/03/2020	31/12/2022	01/01/2021	31/12/2021
18. Công ty TNHH Kiểm toán An Việt (#055)										
1	Vũ Bình Minh	Nam	1971	Tổng Giám đốc	0034-2018-055-1	16/10/2017	01/01/2018	31/12/2022	01/01/2021	31/12/2021
2	Nguyễn Đức Dưỡng	Nam	1974	Phó Tổng Giám đốc	0387-2018-055-1	16/10/2017	01/01/2018	31/12/2022	01/01/2021	31/12/2021
3	Nguyễn Thương	Nam	1975	Phó Tổng Giám đốc	0308-2018-055-1	16/10/2017	01/01/2018	31/12/2022	01/01/2021	31/12/2021
4	Hoàng Thiên Nga	Nữ	1970	Phó Tổng Giám đốc	1138-2018-055-1	16/10/2017	01/01/2018	31/12/2022	01/01/2021	31/12/2021
5	Ngô Việt Thanh	Nam	1981	Phó Tổng Giám đốc	1687-2018-055-1	16/10/2017	01/01/2018	31/12/2022	01/01/2021	31/12/2021
6	Đoàn Thu Hằng	Nữ	1982		1396-2018-055-1	16/10/2017	01/01/2018	31/12/2022	01/01/2021	31/12/2021
7	Bùi Quốc Trung	Nam	1984		1937-2018-055-1	16/10/2017	01/01/2018	31/12/2022	01/01/2021	31/12/2021
8	Phạm Thị Liên	Nữ	1985		2507-2018-055-1	16/10/2017	01/01/2018	31/12/2022	01/01/2021	31/12/2021
9	Trần Minh Nguyệt	Nữ	1986		3412-2020-055-1	18/10/2019	01/01/2020	31/12/2024	01/01/2021	31/12/2021
10	Dương Đình Ngọc	Nam	1966	Phó Tổng Giám đốc/ Giám đốc chi nhánh Hà Nội	1699-2018-055-1	16/10/2017	01/01/2018	31/12/2022	01/01/2021	31/12/2021
11	Đồng Văn Thất	Nam	1962		1458-2018-055-1	16/10/2017	01/01/2018	31/12/2022	01/01/2021	31/12/2021

SL KTV	Tên kiểm toán viên	Giới tính	Năm sinh	Chức vụ	Số Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán	Ngày cấp	Thời hạn Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề		Thời hạn thực hiện kiểm toán cho đơn vị có	
							Ngày bắt đầu	Ngày kết thúc	Ngày bắt đầu	Ngày kết thúc
12	Hoàng Thị Thanh Tâm	Nữ	1972	Phó Tổng Giám độc	2302-2018-055-1	16/10/2017	01/01/2018	31/12/2022	01/01/2021	31/12/2021
13	Đào Thị Thúy Hà	Nữ	1971		1785-2018-055-1	16/10/2017	01/01/2018	31/12/2022	01/01/2021	31/12/2021
14	Đỗ Dương Tùng	Nam	1987		2904-2019-055-1	06/11/2018	01/01/2019	31/12/2023	01/01/2021	31/12/2021
15	Tạ Văn Việt	Nam	1956		0045-2018-055-1	16/10/2017	01/01/2018	31/12/2022	01/01/2021	31/12/2021
16	Vũ Thị Hương Giang	Nữ	1972	Phó Tổng Giám độc/ Giám đốc Chi nhánh Hải Phòng	0388-2018-055-1	16/10/2017	01/01/2018	31/12/2022	01/01/2021	31/12/2021
17	Vũ Hoài Nam	Nam	1981	Phó Tổng Giám độc	1436-2018-055-1	16/10/2017	01/01/2018	31/12/2022	01/01/2021	31/12/2021
18	Nguyễn Thị Hoài Thu	Nữ	1985		2461-2018-055-1	16/10/2017	01/01/2018	31/12/2022	01/01/2021	31/12/2021
19	Nguyễn Thu Hà	Nữ	1985		2986-2019-055-1	06/11/2018	01/01/2019	31/12/2023	01/01/2021	31/12/2021
20	Trần Thị Trang	Nữ	1987		2909-2020-055-1	18/10/2019	01/01/2020	31/12/2024	01/01/2021	31/12/2021
21	Tạ Thị Thắm	Nữ	1989		3676-2021-055-1	14/10/2020	01/01/2021	31/12/2025	01/01/2021	31/12/2021
22	Vũ Thị Hải	Nữ	1986		3396-2020-055-1	10/10/2019	01/01/2020	31/12//2024	01/01/2021	31/12/2021
19. Công ty TNHH Tư vấn - Kiểm toán S&S (#058)										
1	Sam Han Lee	Nam	1949	Tổng Giám đốc	1077-2018-058-1	15/11/2017	01/01/2018	31/12/2022	01/01/2021	31/12/2021
2	Trần Thị Nam Vinh	Nữ	1984		2388-2018-058-1	15/11/2017	01/01/2018	31/12/2022	01/01/2021	31/12/2021
3	Hứa Thị Mai Anh	Nữ	1984		2639-2018-058-1	15/11/2017	01/01/2018	31/12/2022	01/01/2021	31/12/2021

SL KTV	Tên kiểm toán viên	Giới tính	Năm sinh	Chức vụ	Số Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán	Ngày cấp	Thời hạn Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề		Thời hạn thực hiện kiểm toán cho đơn vị có	
							Ngày bắt đầu	Ngày kết thúc	Ngày bắt đầu	Ngày kết thúc
4	Phạm Văn Hải	Nam	1985		3289-2020-058-1	31/10/2019	01/01/2020	31/12/2024	01/01/2021	31/12/2021
5	Kiều Thị Kim Viên	Nữ	1989		3682-2021-058-1	14/10/2020	01/01/2021	31/12/2025	01/01/2021	31/12/2021
6	Phạm Thu Lan	Nữ	1988		3299-2020-058-1	31/10/2019	01/01/2020	31/12/2024	01/01/2021	31/12/2021
7	Phạm Thị Thanh Hiền	Nữ	1984		2786-2020-058-1	31/10/2019	01/01/2020	31/12/2024	01/01/2021	31/12/2021
8	Hà Thị Phương	Nữ	1984		2113-2018-058-1	28/09/2018	28/09/2018	31/12/2022	01/01/2021	31/12/2021
9	Tô Văn Tâm	Nam	1988		3147-2020-058-1	31/10/2019	01/01/2020	31/12/2024	01/01/2021	31/12/2021
10	Đặng Thu Phương	Nữ	1983		2519-2018-058-1	15/11/2017	01/01/2018	31/12/2022	01/01/2021	31/12/2021
11	Nguyễn Hồng Thắm	Nữ	1989		3979-2017-058-1	27/11/2017	27/11/2017	31/12/2021	01/01/2021	31/12/2021
12	Phạm Thị Mai Phương	Nữ	1988		4032-2017-058-1	15/12/2017	15/12/2017	31/12/2021	01/01/2021	31/12/2021
13	Nguyễn Ngọc Minh	Nam	1990		3962-2019-058-1	18/03/2019	18/03/2019	31/12/2021	01/01/2021	31/12/2021
14	Phạm Thị Hiền	Nữ	1985		2988-2020-058-1	21/12/2019	01/01/2020	31/12/2024	01/01/2021	31/12/2021
15	Huỳnh Tấn Phi	Nam	1986		3856-2019-058-1	21/12/2019	21/12/2019	31/12/2021	01/01/2021	31/12/2021
16	Lê Thanh Nam	Nam	1990		4116-2017-058-1	15/11/2017	15/11/2017	31/12/2021	01/01/2021	31/12/2021
20. Công ty TNHH Grant Thornton (Việt Nam) #068										
1	Nguyễn Chí Trung	Nam	1973	Tổng Giám đốc	0255-2018-068-1	05/10/2017	01/01/2018	31/12/2022	01/01/2021	31/12/2021

SL KTV	Tên kiểm toán viên	Giới tính	Năm sinh	Chức vụ	Số Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán	Ngày cấp	Thời hạn Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề		Thời hạn thực hiện kiểm toán cho đơn vị có	
							Ngày bắt đầu	Ngày kết thúc	Ngày bắt đầu	Ngày kết thúc
2	Hoàng Khôi	Nam	1972	Phó Tổng Giám đốc	0681-2018-068-1	05/10/2017	01/01/2018	31/12/2022	01/01/2021	31/12/2021
3	Nguyễn Tuấn Nam	Nam	1977	Phó Tổng Giám đốc	0808-2018-068-1	05/10/2017	01/01/2018	31/12/2022	01/01/2021	31/12/2021
4	Lê Thế Việt	Nam	1978	Phó Tổng Giám đốc	0821-2018-068-1	05/10/2017	01/01/2018	31/12/2022	01/01/2021	31/12/2021
5	Nguyễn Địch Dũng	Nam	1984		2484-2019-068-1	18/10/2018	01/01/2019	31/12/2023	01/01/2021	31/12/2021
6	Bùi Trần Phương Minh	Nữ	1984		2595-2018-068-1	05/10/2017	01/01/2018	31/12/2022	01/01/2021	31/12/2021
7	Nguyễn Thị Vĩnh Hà	Nữ	1976	Phó Tổng Giám đốc	0390-2018-068-1	05/10/2017	01/01/2018	31/12/2022	01/01/2021	31/12/2021
8	Nguyễn Hồng Hà	Nam	1982	Phó Tổng Giám đốc	1710-2018-068-1	05/10/2017	01/01/2018	31/12/2022	01/01/2021	31/12/2021
9	Đinh Thị Hương Giang	Nữ	1982		1568-2018-068-1	05/10/2017	01/01/2018	31/12/2022	01/01/2021	31/12/2021
10	Phạm Thu Trang	Nữ	1984		2072-2018-068-1	05/10/2017	01/01/2018	31/12/2022	01/01/2021	31/12/2021
11	Trịnh Kim Dung	Nữ	1975		1709-2018-068-1	05/10/2017	01/01/2018	31/12/2022	01/01/2021	31/12/2021
12	Nguy Quốc Tuấn	Nam	1972	Phó Tổng Giám đốc/ Giám đốc CN Tp Hồ Chí Minh	0253-2018-068-1	05/10/2017	01/01/2018	31/12/2022	01/01/2021	31/12/2021
13	Nguyễn Mạnh Tuấn	Nam	1976	Phó Tổng Giám đốc	0817-2018-068-1	05/10/2017	01/01/2018	31/12/2022	01/01/2021	31/12/2021
14	Trương Thị Bích Loan	Nữ	1983		1835-2018-068-1	05/10/2017	01/01/2018	31/12/2022	01/01/2021	31/12/2021
15	Nguyễn Đào Thanh Thảo	Nữ	1983		1903-2018-068-1	05/10/2017	01/01/2018	31/12/2022	01/01/2021	31/12/2021
16	Trần Anh Văn	Nam	1982		3109-2020-068-1	09/10/2019	01/01/2020	31/12/2024	01/01/2021	31/12/2021

SL KTV	Tên kiểm toán viên	Giới tính	Năm sinh	Chức vụ	Số Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán	Ngày cấp	Thời hạn Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề		Thời hạn thực hiện kiểm toán cho đơn vị có	
							Ngày bắt đầu	Ngày kết thúc	Ngày bắt đầu	Ngày kết thúc
17	Lê Quảng Hòa	Nam	1985		2587-2018-068-1	05/10/2017	01/01/2018	31/12/2022	01/01/2021	31/12/2021
18	Nguyễn Thị Hương	Nữ	1986		3482-2021-068-1	14/10/2020	01/01/2021	31/12/2025	01/01/2021	31/12/2021
19	Lê Minh Thắng	Nam	1972		0256-2018-068-1	20/03/2018	20/03/2018	31/12/2022	01/01/2021	31/12/2021
20	Đặng Ngô San Tùng	Nam	1988		3151-2020-068-1	09/10/2019	01/01/2020	31/12/2024	01/01/2021	31/12/2021
21	Trần Anh Thương	Nữ	1987		3502-2018-068-1	04/04/2018	04/04/2018	31/12/2022	01/01/2021	31/12/2021
21. Công ty TNHH Tư vấn Đầu tư, Tài chính, Kế toán, Thuế - Kiểm toán COM.PT (#069)										
1	Vũ Hoàng Giang	Nam	1972	Phó Tổng Giám đốc	0439-2018-069-1	15/12/2017	01/01/2018	31/12/2022	01/01/2021	31/12/2021
2	Trần Lam Hồng	Nam	1986	Phó Tổng Giám đốc	2454-2018-069-1	15/12/2017	01/01/2018	31/12/2022	01/01/2021	31/12/2021
3	Lê Thị Hòa	Nữ	1958	Phó Tổng Giám đốc	0653-2019-069-1	06/11/2018	01/01/2019	31/12/2023	01/01/2021	31/12/2021
4	Đỗ Chí Nguyễn	Nam	1984		3411-2020-069-1	14/10/2019	01/01/2020	31/12/2024	01/01/2021	31/12/2021
5	Phùng Thị Quang Thái	Nữ	1961	Tổng Giám đốc/ Giám đốc chi nhánh	0094-2018-069-1	15/12/2017	01/01/2018	31/12/2022	01/01/2021	31/12/2021
6	Nguyễn Thị Quỳnh Hương	Nữ	1964		0098-2018-069-1	15/12/2017	01/01/2018	31/12/2022	01/01/2021	31/12/2021
7	Vũ Thị Hà	Nữ	1974		0461-2018-069-1	15/12/2017	01/01/2018	31/12/2022	01/01/2021	31/12/2021
8	Hoàng Giang	Nam	1983		2928-2020-069-1	14/10/2019	01/01/2020	31/12/2024	01/01/2021	31/12/2021
9	Nguyễn Thị Tường Vi	Nữ	1982		1730-2018-069-1	08/02/2018	08/02/2018	31/12/2022	01/01/2021	31/12/2021

SL KTV	Tên kiểm toán viên	Giới tính	Năm sinh	Chức vụ	Số Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán	Ngày cấp	Thời hạn Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề		Thời hạn thực hiện kiểm toán cho đơn vị có	
							Ngày bắt đầu	Ngày kết thúc	Ngày bắt đầu	Ngày kết thúc
10	Lê Hoàng Yến	Nữ	1985		2978-2019-069-1	26/06/2019	26/06/2019	31/12/2023	01/01/2021	31/12/2021
11	Lê Đỗ Quyên	Nữ	1986		3969-2019-069-1	25/07/2019	25/07/2019	31/12/2021	01/01/2021	31/12/2021
12	Lê Tuấn Sơn	Nam	1972	Phó Giám đốc Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh	1237-2020-069-1	01/01/2020	01/01/2020	31/12/2024	01/01/2021	31/12/2021
22. Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt (#071)										
1	Nguyễn Thanh Sang	Nam	1971	Tổng Giám đốc	0851-2018-071-1	16/10/2017	01/01/2018	31/12/2022	01/01/2021	31/12/2021
2	Đỗ Thị Hương	Nữ	1946	Phó Tổng Giám đốc	0967-2018-071-1	16/10/2017	01/01/2018	31/12/2022	01/01/2021	31/12/2021
3	Vũ Thị Kim Anh	Nữ	1951	Phó Tổng Giám đốc	0565-2018-071-1	16/10/2017	01/01/2018	31/12/2022	01/01/2021	31/12/2021
4	Nguyễn Ngọc Đan Tâm	Nữ	1965		0884-2018-071-1	16/10/2017	01/01/2018	31/12/2022	01/01/2021	31/12/2021
5	Nguyễn Thanh Hồng	Nam	1981	Phó Tổng Giám đốc	1512-2018-071-1	16/10/2017	01/01/2018	31/12/2022	01/01/2021	31/12/2021
6	Huỳnh Trúc Lâm	Nam	1981	Phó Tổng Giám đốc	1523-2018-071-1	16/10/2017	01/01/2018	31/12/2022	01/01/2021	31/12/2021
7	Trần Văn Hiệp	Nam	1982		2141-2018-071-1	16/10/2017	01/01/2018	31/12/2022	01/01/2021	31/12/2021
8	Trần Bá Quảng	Nam	1976	Giám đốc Chi nhánh Hà Nội	1086-2018-071-1	16/10/2017	01/01/2018	31/12/2022	01/01/2021	31/12/2021
9	Trần Quang Huyền	Nam	1978		1043-2018-071-1	16/10/2017	01/01/2018	31/12/2022	01/01/2021	31/12/2021
10	Trần Xuân Thanh	Nam	1978	Giám đốc Chi nhánh Đà Nẵng	1650-2018-071-1	16/10/2017	01/01/2018	31/12/2022	01/01/2021	31/12/2021
11	Nguyễn Thị Ngọc Nga	Nữ	1964		0351-2018-071-1	16/10/2017	01/01/2018	31/12/2022	01/01/2021	31/12/2021

SL KTV	Tên kiểm toán viên	Giới tính	Năm sinh	Chức vụ	Số Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán	Ngày cấp	Thời hạn Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề		Thời hạn thực hiện kiểm toán cho đơn vị có	
							Ngày bắt đầu	Ngày kết thúc	Ngày bắt đầu	Ngày kết thúc
12	Nguyễn Thị Hồng Thúy	Nữ	1958		0176-2018-071-1	16/10/2017	01/01/2018	31/12/2022	01/01/2021	31/12/2021
13	Lê Thị Thanh Kim	Nữ	1987		2896-2019-071-1	14/11/2018	01/01/2019	31/12/2023	01/01/2021	31/12/2021
14	Hoàng Thái Tân	Nam	1985		2817-2020-071-1	31/10/2019	01/01/2020	31/12/2024	01/01/2021	31/12/2021
15	Nguyễn Thị Cẩm Hồng	Nữ	1985		2849-2020-071-1	31/10/2019	01/01/2020	31/12/2024	01/01/2021	31/12/2021
16	Nguyễn Hồng Phúc	Nam	1988		3138-2020-071-1	31/10/2019	01/01/2020	31/12/2024	01/01/2021	31/12/2021
17	Nguyễn Thị Tuyết Vân	Nữ	1983		2839-2020-071-1	31/10/2019	01/01/2020	31/12/2024	01/01/2021	31/12/2021
18	Huỳnh Minh Hưng	Nam	1986		3402-2020-071-1	31/10/2019	01/01/2020	31/12/2024	01/01/2021	31/12/2021
23. Công ty TNHH Kiểm toán Quốc tế (ICPA) #072										
1	Khúc Đình Dũng	Nam	1978	Tổng Giám đốc	0748-2018-072-1	15/10/2018	15/10/2018	31/12/2022	01/01/2021	31/12/2021
2	Trịnh Thanh Hưng	Nam	1978	Chủ tịch HĐQT	4649-2018-072-1	15/10/2018	15/10/2018	31/12/2022	01/01/2021	31/12/2021
3	Phạm Tiến Dũng	Nam	1978	Phó Tổng Giám đốc	0747-2018-072-1	15/10/2018	15/10/2018	31/12/2022	01/01/2021	31/12/2021
4	Đoàn Thị Thu Hằng	Nữ	1978		1947-2018-072-1	15/10/2018	15/10/2018	31/12/2022	01/01/2021	31/12/2021
5	Nguyễn Hoàng Giang	Nam	1978	Phó Tổng Giám đốc	0997-2021-072-1	01/10/2020	01/01/2021	31/12/2025	01/01/2021	31/12/2021
6	Tạ Thị Hải Ninh	Nữ	1983		1613-2019-072-1	18/10/2018	01/01/2019	31/12/2023	01/01/2021	31/12/2021
7	Nguyễn Như Phương	Nam	1982	Phó Tổng Giám đốc	2021-2018-072-1	15/10/2018	15/10/2018	31/12/2022	01/01/2021	31/12/2021

SL KTV	Tên kiểm toán viên	Giới tính	Năm sinh	Chức vụ	Số Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán	Ngày cấp	Thời hạn Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề		Thời hạn thực hiện kiểm toán cho đơn vị có	
							Ngày bắt đầu	Ngày kết thúc	Ngày bắt đầu	Ngày kết thúc
8	Trần Thiện Thanh	Nữ	1982	Phó Tổng Giám đốc	1932-2018-072-1	15/10/2018	15/10/2018	31/12/2022	01/01/2021	31/12/2021
9	Nguyễn Huy Hùng	Nam	1978		2335-2018-072-1	15/10/2018	15/10/2018	31/12/2022	01/01/2021	31/12/2021
10	Lương Xuân Trường	Nam	1981	Giám đốc CN Tp Hồ Chí Minh	1741-2018-072-1	15/10/2018	15/10/2018	31/12/2022	01/01/2021	31/12/2021
11	Lương Giang Thạch	Nam	1982	Phó Giám đốc CN Tp Hồ Chí Minh	2178-2018-072-1	15/10/2018	15/10/2018	31/12/2022	01/01/2021	31/12/2021
12	Phạm Thị Toan	Nữ	1987		2767-2019-072-1	18/10/2018	01/01/2019	31/12/2023	01/01/2021	31/12/2021
13	Hoàng Văn Phúc	Nam	1981		3362-2020-072-1	01/10/2019	01/01/2020	31/12/2024	01/01/2021	31/12/2021
14	Triệu Thị Thùy Linh	Nữ	1986		3779-2021-072-1	01/10/2020	01/01/2021	31/12/2025	01/01/2021	31/12/2021
15	Nguyễn Văn Quân	Nam	1982	Giám đốc CN Thanh Hóa	2034-2018-072-1	15/10/2018	15/10/2018	31/12/2022	01/01/2021	31/12/2021
16	Lê Trọng Thanh	Nam	1984	Phó Giám đốc CN Thanh Hóa	2373-2018-072-1	15/10/2018	15/10/2018	31/12/2022	01/01/2021	31/12/2021
17	Trần Thị Xuân Tước	Nữ	1990		N.4184-2018-072-1	15/10/2018	15/10/2018	31/12/2021	01/01/2021	31/12/2021
18	Nguyễn Thị Thanh Hoa	Nữ	1980	Phó Tổng Giám đốc	1402-2019-072-1	30/08/2019	30/08/2019	31/12/2022	01/01/2021	31/12/2021
19	Lê Quốc Anh	Nam	1985		3384-2020-072-1	01/10/2019	01/01/2020	31/12/2024	01/01/2021	31/12/2021
20	Nguyễn Thị Minh Anh	Nữ	1981		1492-2020-072-1	23/06/2020	23/06/2020	31/12/2022	01/01/2021	31/12/2021
21	Nguyễn Phương Liên	Nữ	1989		4540-2018-072-1	15/10/2018	15/10/2018	31/12/2022	01/01/2021	31/12/2021
22	Võ Hoàng Anh	Nam	1991		4351-2018-072-1	15/10/2018	15/10/2018	31/12/2022	01/01/2021	31/12/2021

SL KTV	Tên kiểm toán viên	Giới tính	Năm sinh	Chức vụ	Số Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán	Ngày cấp	Thời hạn Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề		Thời hạn thực hiện kiểm toán cho đơn vị có	
							Ngày bắt đầu	Ngày kết thúc	Ngày bắt đầu	Ngày kết thúc
23	Lê Thị Trang	Nữ	1990		4509-2018-072-1	15/10/2018	15/10/2018	31/12/2022	01/01/2021	31/12/2021
24	Ngô Thị Hồng Phương	Nữ	1984		3621-2020-072-1	30/10/2020	01/01/2021	31/12/2025	01/01/2021	31/12/2021
24. Công ty TNHH Kiểm toán FAC (#099)										
1	Hoàng Lam	Nam	1962	Tổng Giám đốc	0701-2018-099-1	10/10/2017	01/01/2018	31/12/2022	01/01/2021	31/12/2021
2	Đỗ Hoàng Chương	Nam	1984		2662-2018-099-1	10/10/2017	01/01/2018	31/12/2022	01/01/2021	31/12/2021
3	Lê Minh Lưu	Nam	1964	Giám đốc Chi nhánh	0702-2018-099-1	10/10/2017	01/01/2018	31/12/2022	01/01/2021	31/12/2021
4	Nguyễn Thịnh	Nam	1967	Giám đốc Chi nhánh	0473-2018-099-1	10/10/2017	01/01/2018	31/12/2022	01/01/2021	31/12/2021
5	Lê Thị Vân Trâm	Nữ	1977	Phó Giám đốc Chi nhánh	1470-2018-099-1	10/10/2017	01/01/2018	31/12/2022	01/01/2021	31/12/2021
6	Lê Duy	Nam	1983		2138-2018-099-1	10/10/2017	01/01/2018	31/12/2022	01/01/2021	31/12/2021
7	Trần Hoàng Hạ	Nam	1977	Giám đốc Chi nhánh miền Trung	1500-2019-099-1	12/11/2018	01/01/2019	31/12/2023	01/01/2021	31/12/2021
8	Nguyễn Minh Huy	Nam	1986		3229-2020-099-1	28/10/2019	01/01/2020	31/12/2024	01/01/2021	31/12/2021
9	Nguyễn Trọng Huy	Nam	1974	Phó Tổng Giám đốc	3563-2021-099-1	09/10/2020	01/01/2021	31/12/2025	01/01/2021	31/12/2021
10	Lê Huy Thư	Nam	1978	Phó Tổng Giám đốc	3629-2021-099-1	09/10/2020	01/01/2021	31/12/2025	01/01/2021	31/12/2021
11	Trần Tiến Đạt	Nam	1987		3550-2021-099-1	09/10/2020	01/01/2021	31/12/2025	01/01/2021	31/12/2021
12	Trần Thế Thụ	Nam	1978		2382-2018-099-1	16/01/2018	16/01/2018	31/12/2022	01/01/2021	31/12/2021

SL KTV	Tên kiểm toán viên	Giới tính	Năm sinh	Chức vụ	Số Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán	Ngày cấp	Thời hạn Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề		Thời hạn thực hiện kiểm toán cho đơn vị có	
							Ngày bắt đầu	Ngày kết thúc	Ngày bắt đầu	Ngày kết thúc
13	Nguyễn Thế Chung	Nam	1985		3334-2018-099-1	16/01/2018	16/01/2018	31/12/2022	01/01/2021	31/12/2021
14	Nguyễn Hữu Thắng	Nam	1986		2818-2020-099-1	28/10/2019	01/01/2020	31/12/2024	01/01/2021	31/12/2021
15	Nguyễn Gia Thành	Nam	1987		4123-2017-099-1	24/07/2017	24/07/2017	31/12/2021	01/01/2021	31/12/2021
16	Nguyễn Quang Thông	Nam	1987		3916-2017-099-1	21/12/2017	21/12/2017	31/12/2021	01/01/2021	31/12/2021
17	Đặng Thành Lâm	Nam	1989		4265-2018-099-1	17/08/2018	17/08/2018	31/12/2022	01/01/2021	31/12/2021
25. Công ty TNHH Kiểm toán Sao Việt (#107)										
1	Nguyễn Mạnh Quân	Nam	1958	Tổng Giám đốc	0180-2018-107-1	10/10/2017	01/01/2018	31/12/2022	01/01/2021	31/12/2021
2	Đinh Tấn Tường	Nam	1963	Phó Tổng Giám đốc	0175-2018-107-1	10/10/2017	01/01/2018	31/12/2022	01/01/2021	31/12/2021
3	Phạm Đông Sơn	Nam	1972	Phó Tổng Giám đốc	1052-2018-107-1	10/10/2017	01/01/2018	31/12/2022	01/01/2021	31/12/2021
4	Đinh Thị Hồng Quế	Nữ	1985		2114-2018-107-1	10/10/2017	01/01/2018	31/12/2022	01/01/2021	31/12/2021
5	Phùng Chí Thành	Nam	1960	Giám đốc Chi nhánh Hồ Chí Minh	0184-2018-107-1	10/10/2017	01/01/2018	31/12/2022	01/01/2021	31/12/2021
6	Nguyễn Văn Ngà	Nam	1967	Phó Giám đốc Chi nhánh Hồ Chí Minh	0703-2018-107-1	10/10/2017	01/01/2018	31/12/2022	01/01/2021	31/12/2021
7	Nguyễn Quang Nhơn	Nam	1971	Giám đốc Chi nhánh Cần Thơ	0325-2018-107-1	10/10/2017	01/01/2018	31/12/2022	01/01/2021	31/12/2021
8	Đặng Thị Thiên Nga	Nữ	1971	Phó Giám đốc Chi nhánh Cần Thơ	0462-2018-107-1	10/10/2017	01/01/2018	31/12/2022	01/01/2021	31/12/2021
9	Nguyễn Hồng Chuẩn	Nam	1977	Giám đốc Chi nhánh Hà Nội	1214-2018-107-1	28/9/2018	01/01/2018	31/12/2022	01/01/2021	31/12/2021

SL KTV	Tên kiểm toán viên	Giới tính	Năm sinh	Chức vụ	Số Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán	Ngày cấp	Thời hạn Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề		Thời hạn thực hiện kiểm toán cho đơn vị có	
							Ngày bắt đầu	Ngày kết thúc	Ngày bắt đầu	Ngày kết thúc
10	Nguyễn Phương Lan Anh	Nữ	1970	Phó Giám đốc Chi nhánh Hà Nội	0673-2018-107-1	10/10/2017	01/01/2018	31/12/2022	01/01/2021	31/12/2021
11	Nguyễn Thanh Hoa	Nữ	1977		2325-2019-107-1	07/11/2018	01/01/2019	31/12/2023	01/01/2021	31/12/2021
12	Trần Thị Cẩm Vân	Nữ	1986		3773-2021-107-1	04/11/2020	01/01/2021	31/12/2025	01/01/2021	31/12/2021
13	Lê Thị Hồng Phương	Nữ	1982		3578-2021-107-1	04/11/2020	01/01/2021	31/12/2025	01/01/2021	31/12/2021
14	Trần Phương Yên	Nữ	1984		3601-2021-107-1	04/11/2020	01/01/2021	31/12/2025	01/01/2021	31/12/2021
15	Lê Viết Dũng Linh	Nam	1977	Giám đốc Chi nhánh Hồ Chí Minh	2632-2019-107-1	25/01/2019	25/01/2019	31/12/2022	01/01/2021	31/12/2021
16	Lê Thị Phương Nhung	Nữ	1985		4309-2018-107-1	28/09/2018	28/09/2018	31/12/2022	01/01/2021	31/12/2021
17	Nguyễn Thị Lan Anh	Nữ	1989		4291-2019-107-1	25/01/2019	25/01/2019	31/12/2022	01/01/2021	31/12/2021
26. Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY (#112)										
1	Đào Xuân Dũng	Nam	1974	Chủ tịch HĐQT	0284-2018-112-1	25/10/2017	01/01/2018	31/12/2022	01/01/2021	31/12/2021
2	Nguyễn Tự Trung	Nam	1975	Tổng Giám đốc	1226-2018-112-1	25/10/2017	01/01/2018	31/12/2022	01/01/2021	31/12/2021
3	Phạm Gia Đạt	Nam	1977	Phó Tổng Giám đốc	0798-2018-112-1	25/10/2017	01/01/2018	31/12/2022	01/01/2021	31/12/2021
4	Nguyễn Thị Phương Thảo	Nữ	1979	Phó Tổng Giám đốc	0933-2018-112-1	25/10/2017	01/01/2018	31/12/2022	01/01/2021	31/12/2021
5	Trần Thị Vân Anh	Nữ	1970	Giám đốc kiểm toán	0037-2017-112-1	16/10/2017	16/10/2017	31/12/2021	01/01/2021	31/12/2021
6	Nguyễn Văn Hải	Nam	1980		1395-2018-112-1	25/10/2017	01/01/2018	31/12/2022	01/01/2021	31/12/2021

SL KTV	Tên kiểm toán viên	Giới tính	Năm sinh	Chức vụ	Số Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán	Ngày cấp	Thời hạn Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề		Thời hạn thực hiện kiểm toán cho đơn vị có	
							Ngày bắt đầu	Ngày kết thúc	Ngày bắt đầu	Ngày kết thúc
7	Nguyễn Thị Thu Hà	Nữ	1985		2277-2018-112-1	25/10/2017	01/01/2018	31/12/2022	01/01/2021	31/12/2021
8	Lê Đức Hạnh	Nam	1983		3340-2020-112-1	01/10/2019	01/01/2020	31/12/2024	01/01/2021	31/12/2021
9	Lã Nguyễn Hồng Loan	Nữ	1984		3352-2020-112-1	01/10/2019	01/01/2020	31/12/2024	01/01/2021	31/12/2021
10	Nguyễn Duy Tuấn	Nam	1978	Giám đốc Chi nhánh miền Trung	1951-2018-112-1	25/10/2017	01/01/2018	31/12/2022	01/01/2021	31/12/2021
11	Lê Quang Nghĩa	Nam	1989		3660-2021-112-1	22/10/2020	01/01/2021	31/12/2025	01/01/2021	31/12/2021
12	Nguyễn Thị Tuyết Hoa	Nữ	1988		3558-2021-112-1	22/10/2020	01/01/2021	31/12/2025	01/01/2021	31/12/2021
13	Nguyễn Thị Thùy Dương	Nữ	1986		3337-2020-112-1	01/10/2019	01/01/2020	31/12/2024	01/01/2021	31/12/2021
14	Bùi Thị Thu Thủy	Nữ	1988		3734-2021-112-1	22/10/2020	01/01/2021	31/12/2025	01/01/2021	31/12/2021
15	Nguyễn Minh Long	Nam	1976	Phó Tổng Giám đốc	0666-2018-112-1	25/10/2017	01/01/2018	31/12/2022	01/01/2021	31/12/2021
16	Phan Thanh Điền	Nam	1982	Phó Tổng Giám đốc/ Giám đốc chi nhánh	1496-2018-112-1	25/10/2017	01/01/2018	31/12/2022	01/01/2021	31/12/2021
17	Lương Ngô Bảo Trân	Nữ	1984		1828-2018-112-1	25/10/2017	01/01/2018	31/12/2022	01/01/2021	31/12/2021
18	Trịnh Thị Trang	Nữ	1989		4061-2017-112-1	29/10/2017	29/10/2017	31/12/2021	01/01/2021	31/12/2021
19	Cao Thị Ngọc	Nữ	1985		3905-2018-112-1	24/01/2018	24/01/2018	31/12/2022	01/01/2021	31/12/2021
20	Hoàng Thị Ngà	Nữ	1987		4079-2018-112-1	16/3/2018	16/3/2018	31/12/2022	01/01/2021	31/12/2021
21	Phạm Thị Thảo	Nữ	1986		2465-2018-112-1	28/3/2018	28/3/2018	31/12/2022	01/01/2021	31/12/2021

SL KTV	Tên kiểm toán viên	Giới tính	Năm sinh	Chức vụ	Số Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán	Ngày cấp	Thời hạn Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề		Thời hạn thực hiện kiểm toán cho đơn vị có	
							Ngày bắt đầu	Ngày kết thúc	Ngày bắt đầu	Ngày kết thúc
22	Trần Thanh Tùng	Nam	1978		4051-2020-112-1	30/03/2020	30/03/2020	31/12/2021	01/01/2021	31/12/2021
27. Công ty TNHH Kiểm toán Nhân Tâm Việt (#124)										
1	Lưu Thị Thuý Anh	Nữ	1963	Tổng Giám đốc	0158-2018-124-1	10/10/2017	01/01/2018	31/12/2022	01/01/2021	31/12/2021
2	Trương Thị Thảo	Nữ	1952		0377-2018-124-1	10/10/2017	01/01/2018	31/12/2022	01/01/2021	31/12/2021
3	Đào Duy Hưng	Nam	1978	Phó Tổng Giám đốc	2017-2018-124-1	10/10/2017	01/01/2018	31/12/2022	01/01/2021	31/12/2021
4	Nguyễn Thị Hạnh	Nữ	1982	Phó Tổng Giám đốc/ Giám đốc chi nhánh Hà Nội	1690-2018-124-1	10/10/2017	01/01/2018	31/12/2022	01/01/2021	31/12/2021
5	Lê Thị Hạ	Nữ	1946	Phó Tổng Giám đốc	0082-2018-124-1	10/10/2017	01/01/2018	31/12/2022	01/01/2021	31/12/2021
6	Nguyễn Thị Hồng Thanh	Nữ	1960	Phó Tổng Giám đốc	0053-2018-124-1	10/10/2017	01/01/2018	31/12/2022	01/01/2021	31/12/2021
7	Nguyễn Khánh Hoa	Nữ	1983		1956-2018-124-1	10/10/2017	01/01/2018	31/12/2022	01/01/2021	31/12/2021
8	Nguyễn Thị Tuyết	Nữ	1979		1475-2018-124-1	10/10/2017	01/01/2018	31/12/2022	01/01/2021	31/12/2021
9	Võ Công Tuấn	Nam	1970	Phó Tổng Giám đốc/Giám đốc CN Tp Hồ Chí Minh	0486-2018-124-1	10/10/2017	01/01/2018	31/12/2022	01/01/2021	31/12/2021
10	Huỳnh Hữu Phước	Nam	1980		1762-2018-124-1	10/10/2017	01/01/2018	31/12/2022	01/01/2021	31/12/2021
11	Lê Hồng Long	Nam	1976		0786-2018-124-1	10/10/2017	01/01/2018	31/12/2022	01/01/2021	31/12/2021
12	Nguyễn Thị Thái Hải	Nữ	1961		1361-2017-124-1	02/8/2017	02/8/2017	31/12/2021	01/01/2021	31/12/2021

SL KTV	Tên kiểm toán viên	Giới tính	Năm sinh	Chức vụ	Số Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán	Ngày cấp	Thời hạn Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề		Thời hạn thực hiện kiểm toán cho đơn vị có	
							Ngày bắt đầu	Ngày kết thúc	Ngày bắt đầu	Ngày kết thúc
13	Nguyễn Thị Lan Hương	Nữ	1987		3509-2020-124-1	15/11/2019	01/01/2020	31/12/2024	01/01/2021	31/12/2021
14	Lê Thị Ngọc Lan	Nữ	1963		0165-2020-124-1	20/12/2019	01/01/2020	31/12/2024	01/01/2021	31/12/2021
15	Phạm Văn Tuấn	Nam	1990		4497-2018-124-1	24/09/2018	24/09/2018	31/12/2022	01/01/2021	31/12/2021
16	Nguyễn Thị Huyền Trang	Nữ	1990		4287-2018-124-1	17/09/2018	17/09/2018	31/12/2022	01/01/2021	31/12/2021
28. Công ty TNHH Kiểm toán và Thẩm định giá Việt Nam (#126)										
1	Nguyễn Minh Hải	Nam	1974	Tổng Giám đốc	0287-2018-126-1	10/10/2017	01/01/2018	31/12/2022	01/01/2021	31/12/2021
2	Lưu Quốc Thái	Nam	1970	Phó Tổng Giám đốc	0155-2018-126-1	10/10/2017	01/01/2018	31/12/2022	01/01/2021	31/12/2021
3	Phạm Thị Hường	Nữ	1970	Phó Tổng Giám đốc	0161-2018-126-1	10/10/2017	01/01/2018	31/12/2022	01/01/2021	31/12/2021
4	Nguyễn Bảo Trung	Nam	1976	Phó Tổng Giám đốc	0373-2018-126-1	10/10/2017	01/01/2018	31/12/2022	01/01/2021	31/12/2021
5	Nguyễn Sơn Thanh	Nam	1975	Phó Tổng Giám đốc	0591-2018-126-1	10/10/2017	01/01/2018	31/12/2022	01/01/2021	31/12/2021
6	Trần Trí Dũng	Nam	1979		0895-2018-126-1	10/10/2017	01/01/2018	31/12/2022	01/01/2021	31/12/2021
7	Mai Quang Hiệp	Nam	1980		1320-2018-126-1	10/10/2017	01/01/2018	31/12/2022	01/01/2021	31/12/2021
8	Bùi Thiện Tá	Nam	1965		0592-2018-126-1	10/10/2017	01/01/2018	31/12/2022	01/01/2021	31/12/2021
9	Ngô Quang Tiến	Nam	1973	Phó Tổng Giám đốc	0448-2018-126-1	10/10/2017	01/01/2018	31/12/2022	01/01/2021	31/12/2021
10	Tổng Thị Bích Lan	Nữ	1967	Phó Tổng Giám đốc	0060-2018-126-1	10/10/2017	01/01/2018	31/12/2022	01/01/2021	31/12/2021

SL KTV	Tên kiểm toán viên	Giới tính	Năm sinh	Chức vụ	Số Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán	Ngày cấp	Thời hạn Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề		Thời hạn thực hiện kiểm toán cho đơn vị có	
							Ngày bắt đầu	Ngày kết thúc	Ngày bắt đầu	Ngày kết thúc
11	Lê Ngọc Khuê	Nam	1966	Phó Tổng Giám đốc	0665-2018-126-1	10/10/2017	01/01/2018	31/12/2022	01/01/2021	31/12/2021
12	Nguyễn Thành Công	Nam	1984		1912-2018-126-1	10/10/2017	01/01/2018	31/12/2022	01/01/2021	31/12/2021
13	Đặng Thanh Tuấn	Nam	1958	Giám đốc chi nhánh Quảng Ninh	0551-2018-126-1	10/10/2017	01/01/2018	31/12/2022	01/01/2021	31/12/2021
14	Nguyễn Hồng Hải	Nữ	1967		1218-2018-126-1	10/10/2017	01/01/2018	31/12/2022	01/01/2021	31/12/2021
15	Trần Thị Chúc	Nữ	1988		3278-2020-126-1	01/10/2019	01/01/2020	31/12/2024	01/01/2021	31/12/2021
16	Bùi Xuân Nguyên	Nam	1988		4029-2018-126-1	12/03/2018	12/03/2018	31/12/2022	01/01/2021	31/12/2021
17	Bùi Quang Hợp	Nam	1981	Phó Tổng Giám đốc	1796-2019-126-1	08/03/2018	08/03/2018	31/12/2022	01/01/2021	31/12/2021
18	Đỗ Thị Ngọc	Nữ	1985		3409-2020-126-1	01/10/2019	01/01/2020	31/12/2024	01/01/2021	31/12/2021
19	Đỗ Thị Duyên	Nữ	1989		3642-2021-126-1	01/10/2020	01/01/2021	31/12/2025	01/01/2021	31/12/2021
20	Trần Thị My	Nữ	1987	Giám đốc chi nhánh HCM	3307-2020-126-1	01/10/2019	01/01/2020	31/12/2024	01/01/2021	31/12/2021
21	Trần Hà Kiên	Nam	1977		2284-2018-126-1	18/10/2018	18/10/2018	31/12/2022	01/01/2021	31/12/2021
22	Lê Thùy Dương	Nữ	1987		2879-2020-126-1	01/01/2020	01/01/2020	31/12/2024	01/01/2021	31/12/2021
23	Nguyễn Viết Long	Nam	1976	Phó Tổng Giám đốc	0692-2018-126-1	01/01/2018	01/01/2018	31/12/2022	01/01/2021	31/12/2021
29. Công ty TNHH Kiểm toán TTP (#133)										
1	Lê Quang Đức	Nam	1964	Chủ tịch HĐQT	0164-2018-133-1	10/10/2017	01/01/2018	31/12/2022	01/01/2021	31/12/2021
2	Nguyễn Chi Thành	Nữ	1976	Tổng Giám đốc	0647-2018-133-1	10/10/2017	01/01/2018	31/12/2022	01/01/2021	31/12/2021

SL KTV	Tên kiểm toán viên	Giới tính	Năm sinh	Chức vụ	Số Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán	Ngày cấp	Thời hạn Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề		Thời hạn thực hiện kiểm toán cho đơn vị có	
							Ngày bắt đầu	Ngày kết thúc	Ngày bắt đầu	Ngày kết thúc
3	Lê Phương Anh	Nữ	1977	Phó Tổng Giám đốc	0739-2018-133-1	10/10/2017	01/01/2018	31/12/2022	01/01/2021	31/12/2021
4	Trần Thị Hạnh	Nữ	1977	Phó Tổng Giám đốc	0726-2018-133-1	10/10/2017	01/01/2018	31/12/2022	01/01/2021	31/12/2021
5	Phạm Thu Hà	Nữ	1975		0570-2018-133-1	10/10/2017	01/01/2018	31/12/2022	01/01/2021	31/12/2021
6	Hoàng Thị Khánh Vân	Nữ	1974		0371-2018-133-1	10/10/2017	01/01/2018	31/12/2022	01/01/2021	31/12/2021
7	Hoàng Kim Thùy	Nữ	1976	Phó Tổng Giám đốc	1464-2018-133-1	10/10/2017	01/01/2018	31/12/2022	01/01/2021	31/12/2021
8	Ngô Duy Việt	Nam	1982		1703-2019-133-1	29/10/2018	01/01/2019	31/12/2023	01/01/2021	31/12/2021
9	Phạm Thị Tuyên	Nữ	1976		1474-2021-133-1	29/10/2020	01/01/2021	31/12/2025	01/01/2021	31/12/2021
10	Đỗ Ngọc An	Nam	1974		1232-2018-133-1	10/10/2017	01/01/2018	31/12/2022	01/01/2021	31/12/2021
11	Bùi Thanh Trang	Nữ	1979		1790-2018-133-1	10/10/2017	01/01/2018	31/12/2022	01/01/2021	31/12/2021
12	Trần Thu Hà	Nữ	1982		1989-2018-133-1	10/10/2017	01/01/2018	31/12/2022	01/01/2021	31/12/2021
13	Tạ Huy Đăng	Nam	1974	Giám đốc Chi nhánh Hà Nội	0566-2018-133-1	10/10/2017	01/01/2018	31/12/2022	01/01/2021	31/12/2021
14	Nguyễn Đức Thịnh	Nam	1987	Giám đốc chi nhánh TP. Hồ Chí Minh	3158-2020-133-1	07/10/2019	01/01/2020	31/12/2024	01/01/2021	31/12/2021
15	Lê Thị Kim Ngân	Nữ	1987		3131-2020-133-1	07/10/2019	01/01/2020	31/12/2024	01/01/2021	31/12/2021
16	Nguyễn Thị Nam Hải	Nữ	1989		4003-2017-133-1	31/08/2017	31/08/2017	31/12/2021	01/01/2021	31/12/2021
17	Trần Tuấn Ninh	Nam	1990		3964-2017-133-1	31/08/2017	31/08/2017	31/12/2021	01/01/2021	31/12/2021

SL KTV	Tên kiểm toán viên	Giới tính	Năm sinh	Chức vụ	Số Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán	Ngày cấp	Thời hạn Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề		Thời hạn thực hiện kiểm toán cho đơn vị có	
							Ngày bắt đầu	Ngày kết thúc	Ngày bắt đầu	Ngày kết thúc
18	Phùng Văn Lữ	Nam	1987		4075-2017-133-1	31/08/2017	31/08/2017	31/12/2021	01/01/2021	31/12/2021
19	Nguyễn Hà Phương	Nam			4033-2018-133-1	06/12/2018	06/12/2018	31/12/2022	01/01/2021	31/12/2021
20	Trịnh Phi Thường	Nam	1970		2576-2020-133-1	30/10/2020	30/10/2020	31/12/2022	01/01/2021	31/12/2021
30. Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM (#137)										
1	Nguyễn Phú Hà	Nam	1972	Chủ tịch HĐQT/ Tổng Giám đốc	0389-2018-137-1	10/10/2017	01/01/2018	31/12/2022	01/01/2021	31/12/2021
2	Hoàng Tiến Lợi	Nam	1970	Phó Tổng Giám đốc	0234-2018-137-1	10/10/2017	01/01/2018	31/12/2022	01/01/2021	31/12/2021
3	Nguyễn Tài Dũng	Nam	1962	Phó Tổng Giám đốc	0133-2018-137-1	10/10/2017	01/01/2018	31/12/2022	01/01/2021	31/12/2021
4	Phan Thanh Nam	Nam	1978	Phó Tổng Giám đốc	1009-2018-137-1	10/10/2017	01/01/2018	31/12/2022	01/01/2021	31/12/2021
5	Nguyễn Ngọc Khánh	Nam	1984		2999-2019-137-1	05/10/2018	01/01/2019	31/12/2023	01/01/2021	31/12/2021
6	Nguyễn Thị Mai Hoa	Nữ	1983		2326-2018-137-1	10/10/2017	01/01/2018	31/12/2022	01/01/2021	31/12/2021
7	Nguyễn Thị Thu Hà	Nữ	1968		1387-2018-137-1	10/10/2017	01/01/2018	31/12/2022	01/01/2021	31/12/2021
8	Nguyễn Thị Hồng Liên	Nữ	1969	Giám đốc chi nhánh Miền Bắc	0445-2018-137-1	10/10/2017	01/01/2018	31/12/2022	01/01/2021	31/12/2021
9	Nguyễn Quỳnh Trang	Nữ	1981		1469-2018-137-1	10/10/2017	01/01/2018	31/12/2022	01/01/2021	31/12/2021
10	Nguyễn Thị Trúc Giang	Nữ	1986		2272-2018-137-1	10/10/2017	01/01/2018	31/12/2022	01/01/2021	31/12/2021
11	Phan Thị Xuân Diệu	Nữ	1987		2742-2020-137-1	01/10/2019	01/01/2020	31/12/2024	01/01/2021	31/12/2021

SL KTV	Tên kiểm toán viên	Giới tính	Năm sinh	Chức vụ	Số Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán	Ngày cấp	Thời hạn Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề		Thời hạn thực hiện kiểm toán cho đơn vị có	
							Ngày bắt đầu	Ngày kết thúc	Ngày bắt đầu	Ngày kết thúc
12	Nguyễn Trung Khánh	Nam	1980		1128-2018-137-1	22/12/2017	01/01/2018	31/12/2022	01/01/2021	31/12/2021
13	Bùi Thị Thúy	Nữ	1975	Phó Tổng Giám đốc	0580-2018-137-1	10/10/2017	01/01/2018	31/12/2022	01/01/2021	31/12/2021
14	Vũ Ngọc Ân	Nam	1957	Phó Tổng Giám đốc	0496-2018-137-1	10/10/2017	01/01/2018	31/12/2022	01/01/2021	31/12/2021
15	Lưu Minh Tới	Nam	1976		3920-2017-137-1	25/08/2017	25/08/2017	31/12/2021	01/01/2021	31/12/2021
16	Nguyễn Vũ Hào	Nam	1989		4148-2017-137-1	25/08/2017	25/08/2017	31/12/2021	01/01/2021	31/12/2021
17	Vũ Xuân Hùng	Nam	1989		4015-2017-137-1	29/09/2017	29/09/2017	31/12/2021	01/01/2021	31/12/2021
18	Nguyễn Mạnh Hùng	Nam	1987		3705-2020-137-1	20/10/2020	01/01/2021	31/12/2025	01/01/2021	31/12/2021
19	Lưu Anh Tuấn	Nam	1978		1026-2019-137-1	29/11/2019	29/11/2019	31/12/2023	01/01/2021	31/12/2021
20	Nguyễn Khánh Minh	Nam	1987		4484-2018-137-1	17/09/2018	17/09/2018	31/12/2022	01/01/2021	31/12/2021
21	Lê Mạnh Hùng	Nam	1984		4301-2018-137-1	17/09/2018	17/09/2018	31/12/2022	01/01/2021	31/12/2021
22	Nguyễn Hữu Vinh	Nam	1984		4333-2018-137-1	17/09/2018	17/09/2018	31/12/2022	01/01/2021	31/12/2021
23	Đỗ Thế Hưng	Nam	1982		4266-2018-137-1	17/09/2018	17/09/2018	31/12/2022	01/01/2021	31/12/2021
31. Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán phía Nam (#142)										
1	Tạ Quang Tạo	Nam	1946	Chủ tịch HĐQT	0055-2018-142-1	05/10/2017	01/01/2018	31/12/2022	01/01/2021	31/12/2021
2	Phùng Ngọc Toàn	Nam	1971	Tổng Giám đốc	0335-2018-142-1	05/10/2017	01/01/2018	31/12/2022	01/01/2021	31/12/2021

SL KTV	Tên kiểm toán viên	Giới tính	Năm sinh	Chức vụ	Số Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán	Ngày cấp	Thời hạn Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề		Thời hạn thực hiện kiểm toán cho đơn vị có	
							Ngày bắt đầu	Ngày kết thúc	Ngày bắt đầu	Ngày kết thúc
3	Lê Kim Ngọc	Nữ	1958	Phó Tổng Giám đốc	0181-2018-142-1	05/10/2017	01/01/2018	31/12/2022	01/01/2021	31/12/2021
4	Đình Thế Đường	Nam	1964	Phó Tổng Giám đốc	0342-2018-142-1	05/10/2017	01/01/2018	31/12/2022	01/01/2021	31/12/2021
5	Lê Văn Tuấn	Nam	1961	Phó Tổng Giám đốc	0479-2018-142-1	05/10/2017	01/01/2018	31/12/2022	01/01/2021	31/12/2021
6	Dương Thị Quỳnh Hoa	Nữ	1969	Phó Tổng Giám đốc	0424-2018-142-1	05/10/2017	01/01/2018	31/12/2022	01/01/2021	31/12/2021
7	Nguyễn Tuấn Đạt	Nam	1981		2669-2018-142-1	05/10/2017	01/01/2018	31/12/2022	01/01/2021	31/12/2021
8	Nguyễn Thị Tuyết	Nữ	1973		0624-2018-142-1	05/10/2017	01/01/2018	31/12/2022	01/01/2021	31/12/2021
9	Tạ Quang Long	Nam	1977		0649-2018-142-1	05/10/2017	01/01/2018	31/12/2022	01/01/2021	31/12/2021
10	Phùng Văn Thắng	Nam	1963		0650-2018-142-1	05/10/2017	01/01/2018	31/12/2022	01/01/2021	31/12/2021
11	Nguyễn Vũ	Nam	1976		0699-2018-142-1	05/10/2017	01/01/2018	31/12/2022	01/01/2021	31/12/2021
12	Dương Nguyên Thuý Mai	Nữ	1960		0848-2018-142-1	05/10/2017	01/01/2018	31/12/2022	01/01/2021	31/12/2021
13	Võ Thị Mỹ Hương	Nữ	1972		0858-2018-142-1	05/10/2017	01/01/2018	31/12/2022	01/01/2021	31/12/2021
14	Nguyễn Thị Mỹ Ngọc	Nữ	1978		1091-2018-142-1	05/10/2017	01/01/2018	31/12/2022	01/01/2021	31/12/2021
15	Đàm Minh Thúy	Nữ	1980		1547-2018-142-1	05/10/2017	01/01/2018	31/12/2022	01/01/2021	31/12/2021
16	Trần Nguyễn Hoàng Mai	Nữ	1981		1755-2018-142-1	05/10/2017	01/01/2018	31/12/2022	01/01/2021	31/12/2021
17	Chu Thế Bình	Nam	1978		1858-2018-142-1	05/10/2017	01/01/2018	31/12/2022	01/01/2021	31/12/2021

SL KTV	Tên kiểm toán viên	Giới tính	Năm sinh	Chức vụ	Số Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán	Ngày cấp	Thời hạn Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề		Thời hạn thực hiện kiểm toán cho đơn vị có	
							Ngày bắt đầu	Ngày kết thúc	Ngày bắt đầu	Ngày kết thúc
18	Đỗ Khắc Thanh	Nam	1961		0064-2018-142-1	05/10/2017	01/01/2018	31/12/2022	01/01/2021	31/12/2021
19	Lê Văn Thắng	Nam	1974		0974-2018-142-1	05/10/2017	01/01/2018	31/12/2022	01/01/2021	31/12/2021
20	Lê Thị Hoài An	Nữ	1988		3519-2017-142-1	31/5/2017	31/5/2017	31/12/2021	01/01/2021	31/12/2021
21	Lưu Vinh Khoa	Nam	1963	Phó Tổng Giám đốc	0166-2018-142-1	05/10/2017	01/01/2018	31/12/2022	01/01/2021	31/12/2021
22	Nguyễn Thị Thảo	Nữ	1986		2626-2018-142-1	05/10/2017	01/01/2018	31/12/2022	01/01/2021	31/12/2021
23	Lê Đình Ái	Nam	1972		3770-2018-142-1	02/02/2018	02/02/2018	31/12/2022	01/01/2021	31/12/2021
24	Đặng Tùng Hưng	Nam	1982		3611-2021-142-1	16/12/2020	01/01/2021	31/12/2025	01/01/2021	31/12/2021
25	Lê Văn Tân	Nam	1988		4318-2018-142-1	30/08/2018	30/08/2018	31/12/2022	01/01/2021	31/12/2021
32. Công ty TNHH Hãng Kiểm toán và Định giá ASCO (#149)										
1	Nguyễn Thanh Khiết	Nam	1974	Tổng Giám đốc	0807-2018-149-1	12/8/2020	12/8/2020	31/12/2022	01/01/2021	31/12/2021
2	Lê Đức Lương	Nam	1977	Phó Tổng Giám đốc	1797-2018-149-1	12/8/2020	12/8/2020	31/12/2022	01/01/2021	31/12/2021
3	Đặng Minh Thu	Nữ	1983		1976-2018-149-1	12/8/2020	12/8/2020	31/12/2022	01/01/2021	31/12/2021
4	Nguyễn Ngọc Tuyền	Nam	1980	Phó Tổng Giám đốc	1629-2018-149-1	12/8/2020	12/8/2020	31/12/2022	01/01/2021	31/12/2021
5	Hà Thị Hồng Yến	Nữ	1976		2057-2018-149-1	12/8/2020	12/8/2020	31/12/2022	01/01/2021	31/12/2021
6	Trần Thị Minh Phương	Nữ	1983		2371-2018-149-1	12/8/2020	12/8/2020	31/12/2022	01/01/2021	31/12/2021

SL KTV	Tên kiểm toán viên	Giới tính	Năm sinh	Chức vụ	Số Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán	Ngày cấp	Thời hạn Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề		Thời hạn thực hiện kiểm toán cho đơn vị có	
							Ngày bắt đầu	Ngày kết thúc	Ngày bắt đầu	Ngày kết thúc
7	Nguyễn Thành Tuấn	Nam	1979	Giám đốc chi nhánh miền Bắc	2541-2018-149-1	12/8/2020	12/8/2020	31/12/2022	01/01/2021	31/12/2021
8	Đặng Kim Trung	Nữ	1981	Giám đốc chi nhánh BTN	2717-2018-149-1	12/8/2020	12/8/2020	31/12/2022	01/01/2021	31/12/2021
9	Phạm Huyền Trang	Nữ	1982		1970-2018-149-1	12/8/2020	12/8/2020	31/12/2022	01/01/2021	31/12/2021
10	Lý Thị Thảo Tâm	Nữ	1980		2687-2018-149-1	12/8/2020	12/8/2020	31/12/2022	01/01/2021	31/12/2021
11	Nguyễn Thị Hồng Gấm	Nữ	1984		3998-2017-149-1	12/8/2020	12/8/2020	31/12/2021	01/01/2021	31/12/2021
12	Đặng Trần Kiên	Nam	1979	Giám đốc Chi nhánh Tp HCM	1260-2018-149-1	12/8/2020	12/8/2020	31/12/2022	01/01/2021	31/12/2021
13	Hứa Thoại Quyên	Nữ	1979		1888-2018-149-1	12/8/2020	12/8/2020	31/12/2022	01/01/2021	31/12/2021
14	Phạm Thị Tổ Loan	Nữ	1978	Giám đốc chi nhánh Hà Nội	0760-2020-149-1	12/8/2020	12/8/2020	31/12/2024	01/01/2021	31/12/2021
15	Vũ Thị Tâm	Nữ	1988		3316-2020-149-1	12/8/2020	12/8/2020	31/12/2024	01/01/2021	31/12/2021
16	Trần Khang	Nam	1982	Giám đốc chi nhánh Tràng An	2997-2020-149-1	12/8/2020	12/8/2020	31/12/2023	01/01/2021	31/12/2021
17	Phạm Minh Quang	Nam	1981		3518-2020-149-1	12/8/2020	12/8/2020	31/12/2024	01/01/2021	31/12/2021
18	Lê Văn Tùng	Nam	1980		1479-2020-149-1	12/8/2020	12/8/2020	31/12/2022	01/01/2021	31/12/2021
19	Phan Đăng Khánh	Nam	1980	Giám đốc Chi nhánh Hải Phòng	1422-2021-149-1	03/11/2020	01/01/2021	31/12/2025	01/01/2021	31/12/2021
20	Trần Văn Minh	Nam	1989		4025-2017-149-1	20/10/2020	20/10/2020	31/12/2021	01/01/2021	31/12/2021
33. Công ty TNHH dịch vụ tư vấn tài chính kế toán và kiểm toán Nam Việt (#152)										

SL KTV	Tên kiểm toán viên	Giới tính	Năm sinh	Chức vụ	Số Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán	Ngày cấp	Thời hạn Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề		Thời hạn thực hiện kiểm toán cho đơn vị có	
							Ngày bắt đầu	Ngày kết thúc	Ngày bắt đầu	Ngày kết thúc
1	Nguyễn Thị Lan	Nữ	1959	Chủ tịch HĐQT	0167-2018-152-1	05/10/2017	01/01/2018	31/12/2022	01/01/2021	31/12/2021
2	Nguyễn Thị Cúc	Nữ	1961	Phó Giám đốc	0700-2018-152-1	05/10/2017	01/01/2018	31/12/2022	01/01/2021	31/12/2021
3	Nguyễn Minh Tiến	Nam	1970	Giám đốc	0547-2018-152-1	05/10/2017	01/01/2018	31/12/2022	01/01/2021	31/12/2021
4	Cao Thị Hồng Nga	Nữ	1973	Phó Giám đốc	0613-2018-152-1	05/10/2017	01/01/2018	31/12/2022	01/01/2021	31/12/2021
5	Nguyễn Hồng Nga	Nữ	1974		1266-2018-152-1	05/10/2017	01/01/2018	31/12/2022	01/01/2021	31/12/2021
6	Nguyễn Anh Tuấn	Nam	1982	Phó Giám đốc	1559-2018-152-1	05/10/2017	01/01/2018	31/12/2022	01/01/2021	31/12/2021
7	Lê Hồng Đào	Nam	1980		1732-2018-152-1	05/10/2017	01/01/2018	31/12/2022	01/01/2021	31/12/2021
8	Nguyễn Ngọc Tuấn	Nam	1968		2837-2019-152-1	18/10/2018	01/01/2019	31/12/2023	01/01/2021	31/12/2021
9	Nguyễn Xuân Giang	Nam	1981		2784-2019-152-1	18/10/2018	01/01/2019	31/12/2023	01/01/2021	31/12/2021
10	Nguyễn Chí Thanh	Nam	1983		2819-2019-152-1	18/10/2018	01/01/2019	31/12/2023	01/01/2021	31/12/2021
11	Bùi Thị Như Lê	Nữ	1978		2855-2020-152-1	28/10/2019	01/01/2020	31/12/2024	01/01/2021	31/12/2021
12	Bùi Ngọc Vương	Nam	1979	Phó Giám đốc chi nhánh	0941-2018-152-1	05/10/2017	01/01/2018	31/12/2022	01/01/2021	31/12/2021
13	Bùi Ngọc Hà	Nam	1973	Phó Giám đốc chi nhánh	0662-2018-152-1	05/10/2017	01/01/2018	31/12/2022	01/01/2021	31/12/2021
14	Bùi Thị Ngọc Lân	Nữ	1975	Giám đốc chi nhánh	0300-2018-152-1	05/10/2017	01/01/2018	31/12/2022	01/01/2021	31/12/2021
15	Nguyễn Văn Tình	Nam	1988		3919-2017-152-1	21/07/2017	21/07/2017	31/12/2021	01/01/2021	31/12/2021

SL KTV	Tên kiểm toán viên	Giới tính	Năm sinh	Chức vụ	Số Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán	Ngày cấp	Thời hạn Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề		Thời hạn thực hiện kiểm toán cho đơn vị có	
							Ngày bắt đầu	Ngày kết thúc	Ngày bắt đầu	Ngày kết thúc
16	Trần Thị Linh	Nữ	1985		2949-2019-152-1	18/10/2018	01/01/2019	31/12/2023	01/01/2021	31/12/2021
17	Phạm Văn Cường	Nam	1971		2922-2019-152-1	18/10/2018	01/01/2019	31/12/2023	01/01/2021	31/12/2021
18	Nguyễn Thị Nguyên Nhung	Nữ	1987		3360-2020-152-1	28/10/2019	01/01/2020	31/12/2024	01/01/2021	31/12/2021
19	Nguyễn Hải Linh	Nữ	1979		3407-2020-152-1	28/10/2019	01/01/2020	31/12/2024	01/01/2021	31/12/2021
20	Lê Mỹ Trang	Nữ	1987		3764-2021-152-1	20/10/2020	01/01/2021	31/12/2025	01/01/2021	31/12/2021
21	Lê Bảo Ngọc	Nam	1988		3906-2017-152-1	27/12/2017	27/12/2017	31/12/2021	01/01/2021	31/12/2021
22	Nguyễn Hoàng Hồ Nam	Nam	1987		4308-2018-152-1	04/10/2018	04/10/2018	31/12/2022	01/01/2021	31/12/2021
23	Nguyễn Huy Hoàng	Nam	1989		4531-2018-152-1	04/10/2018	04/10/2018	31/12/2022	01/01/2021	31/12/2021
34. Công ty TNHH Kiểm toán Quốc tế Unistars (#153)										
1	Đoàn Tiến Hưng	Nam	1980	Giám đốc	1123-2018-153-1	19/12/2017	01/01/2018	31/12/2022	01/01/2021	31/12/2021
2	Nguyễn Hữu Trang	Nam	1980	Phó Giám đốc	1468-2018-153-1	19/12/2017	01/01/2018	31/12/2022	01/01/2021	31/12/2021
3	Lê Thị Quỳnh Nga	Nữ	1979		1137-2019-153-1	03/07/2019	03/07/2019	31/12/2022	01/01/2021	31/12/2021
4	Đặng Thị Kim Trinh	Nữ	1979	Phó Giám đốc	1229-2018-153-1	07/11/2018	07/11/2018	31/12/2022	01/01/2021	31/12/2021
5	Nguyễn Tuấn Linh	Nam	1985		4021-2019-153-1	03/4/2019	03/4/2019	31/12/2022	01/01/2021	31/12/2021
6	Lê Hồng Nam	Nam	1980		3358-2020-153-1	20/11/2019	01/01/2020	31/12/2024	01/01/2021	31/12/2021

SL KTV	Tên kiểm toán viên	Giới tính	Năm sinh	Chức vụ	Số Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán	Ngày cấp	Thời hạn Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề		Thời hạn thực hiện kiểm toán cho đơn vị có	
							Ngày bắt đầu	Ngày kết thúc	Ngày bắt đầu	Ngày kết thúc
7	Cao Hữu Kiên	Nam	1990		3954-2019-153-1	29/11/2019	29/11/2019	31/12/2021	01/01/2021	31/12/2021
8	Trần Thị Thanh Tiếng	Nữ	1976		0819-2020-153-1	10/4/2020	10/4/2020	31/12/2022	01/01/2021	31/12/2021
9	Nguyễn Thị Cúc	Nữ	1982		1594-2020-153-1	30/9/2020	30/9/2020	31/12/2024	01/01/2021	31/12/2021
10	Lê Thị Ánh Tuyết	Nữ	1985		2540-2019-153-1	29/11/2019	29/11/2019	31/12/2022	01/01/2021	31/12/2021
35. Công ty TNHH Kiểm toán VACO (#156)										
1	Bùi Văn Ngọc	Nam	1970	Tổng Giám đốc	0035-2018-156-1	16/10/2017	01/01/2018	31/12/2022	01/01/2021	31/12/2021
2	Nguyễn Đức Tiến	Nam	1973	Phó Tổng Giám đốc/ Giám đốc chi nhánh Tp HCM	0517-2018-156-1	16/10/2017	01/01/2018	31/12/2022	01/01/2021	31/12/2021
3	Bùi Ngọc Bình	Nam	1975	Phó Tổng Giám đốc	0657-2018-156-1	16/10/2017	01/01/2018	31/12/2022	01/01/2021	31/12/2021
4	Lê Xuân Thắng	Nam	1972	Phó Tổng Giám đốc	0043-2016-156-1	05/10/2016	01/01/2017	31/12/2021	01/01/2021	31/12/2021
5	Nguyễn Thị Bảo Ngọc	Nữ	1974	Phó Tổng Giám đốc	1931-2018-156-1	16/10/2017	01/01/2018	31/12/2022	01/01/2021	31/12/2021
6	Nguyễn Văn Long	Nam	1975		1220-2018-156-1	16/10/2017	01/01/2018	31/12/2022	01/01/2021	31/12/2021
7	Chữ Mạnh Hoan	Nam	1979	Phó Tổng Giám đốc	1403-2018-156-1	16/10/2017	01/01/2018	31/12/2022	01/01/2021	31/12/2021
8	Phạm Thị Hòa	Nữ	1960		0443-2018-156-1	16/10/2017	01/01/2018	31/12/2022	01/01/2021	31/12/2021
9	Nguyễn Phương Lan	Nữ	1980		0917-2018-156-1	16/10/2017	01/01/2018	31/12/2022	01/01/2021	31/12/2021
10	Bùi Thị Phương	Nữ	1984		2369-2018-156-1	16/10/2017	01/01/2018	31/12/2022	01/01/2021	31/12/2021

SL KTV	Tên kiểm toán viên	Giới tính	Năm sinh	Chức vụ	Số Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán	Ngày cấp	Thời hạn Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề		Thời hạn thực hiện kiểm toán cho đơn vị có	
							Ngày bắt đầu	Ngày kết thúc	Ngày bắt đầu	Ngày kết thúc
11	Trần Tuấn Anh	1988	Nam		3272-2020-156-1	01/10/2019	01/01/2020	31/12/2024	01/01/2021	31/12/2021
12	Đặng Thị Minh Hạnh	1987	Nữ		3290-2020-156-1	01/10/2019	01/01/2020	31/12/2024	01/01/2021	31/12/2021
13	Nguyễn Hồng Hiên	Nữ	1978	Giám đốc Chi nhánh Hải Phòng	1117-2018-156-1	16/10/2017	01/01/2018	31/12/2022	01/01/2021	31/12/2021
14	Lương Thị Thúy	Nữ	1980	Phó Giám đốc Chi nhánh Hải Phòng	1148-2018-156-1	16/10/2017	01/01/2018	31/12/2022	01/01/2021	31/12/2021
15	Đỗ Bình Dương	Nam	1982	Phó Giám đốc Chi nhánh Tp Hồ Chí Minh	1953-2018-156-1	16/10/2017	01/01/2018	31/12/2022	01/01/2021	31/12/2021
16	Nguyễn Ngọc Thạch	Nam	1984		1822-2018-156-1	16/10/2017	01/01/2018	31/12/2022	01/01/2021	31/12/2021
17	Nguyễn Thị Huyền	Nữ	1987		3652-2021-156-1	29/10/2020	01/01/2021	31/12/2025	01/01/2021	31/12/2021
18	Ngô Tiến Thành	Nam	1983		3754-2021-156-1	29/10/2020	01/01/2021	31/12/2025	01/01/2021	31/12/2021
19	Đỗ Ngọc Anh	Nam	1972		4136-2018-156-1	30/01/2018	30/01/2018	31/12/2022	01/01/2021	31/12/2021
20	Nguyễn Đức Giang	Nam	1982		4348-2018-156-1	12/10/2018	12/10/2018	31/12/2022	01/01/2021	31/12/2021
21	Đặng Khánh Hòa	Nữ	1991		4378-2018-156-1	12/10/2018	12/10/2018	31/12/2022	01/01/2021	31/12/2021
22	Nguyễn Viết Thiệu	Nam	1991		4244-2018-156-1	12/10/2018	12/10/2018	31/12/2022	01/01/2021	31/12/2021
23	Nguyễn Thị Thu Hiền	Nữ	1990		4262-2018-156-1	12/10/2018	12/10/2018	31/12/2022	01/01/2021	31/12/2021
24	Đinh Bá Hùng	Nam	1991		4382-2018-156-1	12/11/2018	12/11/2018	31/12/2022	01/01/2021	31/12/2021
36. Công ty TNHH Kiểm toán Việt Úc (#160)										

SL KTV	Tên kiểm toán viên	Giới tính	Năm sinh	Chức vụ	Số Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán	Ngày cấp	Thời hạn Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề		Thời hạn thực hiện kiểm toán cho đơn vị có	
							Ngày bắt đầu	Ngày kết thúc	Ngày bắt đầu	Ngày kết thúc
1	Phạm Quốc Hải	Nam	1980	Giám đốc/ Chủ tịch HĐTV	1168-2018-160-1	29/12/2017	01/01/2018	31/12/2022	01/01/2021	31/12/2021
2	Lê Văn Hòa	Nam	1948		0248-2018-160-1	29/12/2017	01/01/2018	31/12/2022	01/01/2021	31/12/2021
3	Nguyễn Tăng Đông	Nam	1980		1848-2019-160-1	28/12/2018	01/01/2019	31/12/2023	01/01/2021	31/12/2021
4	Đỗ Như My Châu	Nữ	1972		0245-2018-160-1	29/12/2017	01/01/2018	31/12/2022	01/01/2021	31/12/2021
5	Huỳnh Thị Bảo Khâm	Nữ	1986		3614-2021-160-1	04/11/2020	01/01/2021	31/12/2025	01/01/2021	31/12/2021
6	Nguyễn Lưu Kim Ngân	Nữ	1987		3571-2021-160-1	04/11/2020	01/01/2021	31/12/2025	01/01/2021	31/12/2021
7	Phạm Đức Minh	Nam	1972		0971-2018-160-1	29/11/2018	29/11/2018	31/12/2022	01/01/2021	31/12/2021
8	Ngụy Thúy Phương	Nữ	1976		2809-2020-160-1	31/12/2019	01/01/2020	31/12/2024	01/01/2021	31/12/2021
9	Trần Thị Hương Quỳnh	Nữ	1983	Giám đốc chi nhánh Hà Nội	1618-2018-160-1	29/12/2017	01/01/2018	31/12/2022	01/01/2021	31/12/2021
10	Phạm Thị Thu	Nữ	1980		1461-2020-160-1	31/12/2019	01/01/2020	31/12/2024	01/01/2021	31/12/2021
11	Nguyễn Minh Hùng	Nam	1969	GD Chi nhánh Sài Gòn	0294-2020-160-1	02/03/2020	02/03/2020	31/12/2022	01/01/2021	31/12/2021
37. Công ty TNHH Crowe Việt Nam (#172)										
1	Nguyễn Quỳnh Nam	Nam	1978	Tổng Giám đốc	0945-2018-172-1	25/10/2018	25/10/2018	31/12/2022	01/01/2021	31/12/2021
2	Nguyễn Thị Thu Huyền	Nữ	1982	Phó Tổng Giám đốc	1984-2018-172-1	25/10/2018	25/10/2018	31/12/2022	01/01/2021	31/12/2021
3	Lê Thị Nga	Nữ	1989		3308-2020-172-1	01/10/2019	01/01/2020	31/12/2024	01/01/2021	31/12/2021

SL KTV	Tên kiểm toán viên	Giới tính	Năm sinh	Chức vụ	Số Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán	Ngày cấp	Thời hạn Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề		Thời hạn thực hiện kiểm toán cho đơn vị có	
							Ngày bắt đầu	Ngày kết thúc	Ngày bắt đầu	Ngày kết thúc
4	Vũ Lâm	Nam	1980	Phó Tổng Giám độc	0915-2019-172-1	30/8/2019	30/8/2019	31/12/2023	01/01/2021	31/12/2021
5	Nguyễn Thị Phương Dung	Nữ	1985	Phó Giám đốc Chi nhánh Tp Hồ Chí Minh	2608-2018-172-1	25/10/2018	25/10/2018	31/12/2022	01/01/2021	31/12/2021
6	Trần Thị Gia Ngọc	Nữ	1988		3133-2020-172-1	01/10/2019	01/01/2020	31/12/2024	01/01/2021	31/12/2021
7	Phan Thị Thanh Thủy	Nữ	1988		3161-2020-172-1	01/10/2019	01/01/2020	31/12/2024	01/01/2021	31/12/2021
8	Vũ Đình Thiêm	Nam	1987	Phó Giám đốc Chi nhánh Tp Hồ Chí Minh	2764-2020-172-1	01/10/2019	01/01/2020	31/12/2024	01/01/2021	31/12/2021
9	Trần Tấn Phát	Nam	1983	Phó Tổng Giám đốc/ Giám đốc chi nhánh TP Hồ Chí Minh	2060-2018-172-1	25/10/2018	25/10/2018	31/12/2022	01/01/2021	31/12/2021
10	Nguyễn Hồng Linh	Nam	1980	Phó Tổng Giám độc	1527-2019-172-1	27/11/2018	01/01/2019	31/12/2023	01/01/2021	31/12/2021
11	Lê Thanh Long	Nam	1986		3235-2020-172-1	01/10/2019	01/01/2020	31/12/2024	01/01/2021	31/12/2021
12	Hà Ngọc Như	Nữ	1987		3530-2018-172-1	25/10/2018	25/10/2018	31/12/2021	01/01/2021	31/12/2021
13	Hồ Ngọc Bảo	Nữ	1983		2136-2020-172-1	17/8/2020	17/8/2020	31/12/2024	01/01/2021	31/12/2021
38. Công ty TNHH Kế toán và Kiểm toán Phương Nam (#228)										
1	Nguyễn Thành Chung	Nam	1985		2654-2018-228-1	28/11/2017	01/01/2018	31/12/2022	01/01/2021	31/12/2021
2	Lê Thị Minh Thi	Nữ	1981		1860-2018-228-1	28/11/2017	01/01/2018	31/12/2022	01/01/2021	31/12/2021
3	Nguyễn Khắc Đoàn	Nam	1980		2219-2018-228-1	28/11/2017	01/01/2018	31/12/2022	01/01/2021	31/12/2021

SL KTV	Tên kiểm toán viên	Giới tính	Năm sinh	Chức vụ	Số Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán	Ngày cấp	Thời hạn Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề		Thời hạn thực hiện kiểm toán cho đơn vị có	
							Ngày bắt đầu	Ngày kết thúc	Ngày bắt đầu	Ngày kết thúc
4	Phạm Văn Giới	Nam	1965	Tổng Giám đốc	0178-2018-228-1	28/11/2017	01/01/2018	31/12/2022	01/01/2021	31/12/2021
5	Trần Duy Phong	Nam	1984		3246-2017-228-1	18/01/2017	18/01/2017	31/12/2021	01/01/2021	31/12/2021
6	Nguyễn Phi Phụng	Nữ	1986		3249-2019-228-1	21/01/2019	21/01/2019	31/12/2023	01/01/2021	31/12/2021
7	Huỳnh Phước Hậu	Nam	1985		3227-2020-228-1	16/12/2019	01/01/2020	31/12/2024	01/01/2021	31/12/2021
8	Nguyễn Thị Ngọc Tuyền	Nữ	1986		3205-2020-228-1	16/12/2019	01/01/2020	31/12/2024	01/01/2021	31/12/2021
9	Lê Thanh Vũ	Nam	1976		2734-2020-228-1	13/03/2020	13/03/2020	31/12/2022	01/01/2021	31/12/2021
10	Phạm Thị Bích Hạnh	Nữ	1979		1505-2021-228-1	06/11/2020	01/01/2021	31/12/2025	01/01/2021	31/12/2021
39. Công ty TNHH Kiểm toán và Thẩm định giá AFA (#240)										
1	Nguyễn Trọng Hiếu	Nam	1973	Chủ tịch HĐQT	0391-2018-240-1	12/12/2017	01/01/2018	31/12/2022	01/01/2021	31/12/2021
2	Phạm Quang Trung	Nam	1979	Tổng Giám đốc	1334-2018-240-1	12/12/2017	01/01/2018	31/12/2022	01/01/2021	31/12/2021
3	Nguyễn Trung Dũng	Nam	1977	Phó Tổng Giám đốc	1380-2018-240-1	12/12/2017	01/01/2018	31/12/2022	01/01/2021	31/12/2021
4	Phan Thị Lan Trang	Nữ	1983		1936-2018-240-1	12/12/2017	01/01/2018	31/12/2022	01/01/2021	31/12/2021
5	Lê Huy Đông	Nam	1987		2884-2017-240-1	28/11/2017	28/11/2017	31/12/2021	01/01/2021	31/12/2021
6	Nguyễn Hà Định	Nam	1987		2883-2019-240-1	20/12/2018	01/01/2019	31/12/2023	01/01/2021	31/12/2021
7	Lê Văn Long	Nam	1988		3303-2019-240-1	26/06/2019	26/06/2019	31/12/2023	01/01/2021	31/12/2021

SL KTV	Tên kiểm toán viên	Giới tính	Năm sinh	Chức vụ	Số Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán	Ngày cấp	Thời hạn Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề		Thời hạn thực hiện kiểm toán cho đơn vị có	
							Ngày bắt đầu	Ngày kết thúc	Ngày bắt đầu	Ngày kết thúc
8	Kim Văn Việt	Nam	1979		1486-2020-240-1	08/12/2020	08/12/2020	31/12/2022	01/01/2021	31/12/2021
9	Trần Thị Như Phương	Nữ	1985		2293-2020-240-1	08/12/2020	08/12/2020	31/12/2022	01/01/2021	31/12/2021
10	Võ Thị Ngọc Hân	Nữ	1990		4339-2018-240-1	06/08/2018	06/08/2018	31/12/2022	01/01/2021	31/12/2021
11	Nguyễn Mạnh Cường	Nam	1991		4223-2018-240-1	08/10/2018	08/10/2018	31/12/2022	01/01/2021	31/12/2021
12	Nguyễn Thanh Lam	Nam	1992		4231-2018-240-1	08/10/2018	08/10/2018	31/12/2022	01/01/2021	31/12/2021
13	Nguyễn Thị Hiền Giang	Nữ	1989		4337-2018-240-1	08/10/2018	08/10/2018	31/12/2022	01/01/2021	31/12/2021
14	Văn Thanh Phương	Nam	1991		4401-2018-240-1	08/10/2018	08/10/2018	31/12/2022	01/01/2021	31/12/2021
15	Nguyễn Lê Thảo Nguyên	Nữ	1992		4236-2018-240-1	29/10/2018	29/10/2018	31/12/2022	01/01/2021	31/12/2021
40. Công ty TNHH PKF Việt Nam (#242)										
1	Đỗ Thị Ánh Tuyết	Nữ	1964	Tổng Giám đốc	0079-2018-242-1	10/10/2017	01/01/2018	31/12/2022	01/01/2021	31/12/2021
2	Nguyễn Như Tiến	Nam	1974	Phó Tổng Giám đốc	0449-2018-242-1	10/10/2017	01/01/2018	31/12/2022	01/01/2021	31/12/2021
3	Nguyễn Hồng Quang	Nam	1975	Phó Tổng Giám đốc	0576-2018-242-1	10/10/2017	01/01/2018	31/12/2022	01/01/2021	31/12/2021
4	Hoàng Văn Anh	Nam	1985		2917-2019-242-1	29/10/2018	01/01/2019	31/12/2023	01/01/2021	31/12/2021
5	Dương Thị Thảo	Nữ	1974	Phó Tổng Giám đốc	0162-2018-242-1	10/10/2017	01/01/2018	31/12/2022	01/01/2021	31/12/2021
6	Trần Thị Nguyệt	Nữ	1974	Phó Tổng Giám đốc	0589-2018-242-1	10/10/2017	01/01/2018	31/12/2022	01/01/2021	31/12/2021

SL KTV	Tên kiểm toán viên	Giới tính	Năm sinh	Chức vụ	Số Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán	Ngày cấp	Thời hạn Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề		Thời hạn thực hiện kiểm toán cho đơn vị có	
							Ngày bắt đầu	Ngày kết thúc	Ngày bắt đầu	Ngày kết thúc
7	Nguyễn Văn Dũng	Nam	1960	Phó Tổng Giám đốc nghịệp vụ	0156-2018-242-1	10/10/2017	01/01/2018	31/12/2022	01/01/2021	31/12/2021
8	Trần Thanh Phương	Nữ	1983		1616-2018-242-1	10/10/2017	01/01/2018	31/12/2022	01/01/2021	31/12/2021
9	Nguyễn Hoàng Hà	Nam	1976	Phó Tổng Giám đốc nghịệp vụ	0740-2018-242-1	10/10/2017	01/01/2018	31/12/2022	01/01/2021	31/12/2021
10	Trương Quang Trung	Nam	1982	Giám đốc CN TP Hồ Chí Minh	1752-2018-242-1	10/10/2017	01/01/2018	31/12/2022	01/01/2021	31/12/2021
11	Tô Bửu Toàn	Nam	1980	Phó Tổng Giám đốc nghịệp vụ	1201-2018-242-1	10/10/2017	01/01/2018	31/12/2022	01/01/2021	31/12/2021
12	Nguyễn Thị Hoàng Vân	Nữ	1982		1561-2017-242-1	11/05/2017	11/05/2017	31/12/2021	01/01/2021	31/12/2021
13	Trần Văn Dũng	Nam	1975	Phó Tổng Giám đốc	0283-2018-242-1	10/10/2017	01/01/2018	31/12/2022	01/01/2021	31/12/2021
14	Chu Quang Tùng	Nam	1978	Phó Tổng Giám đốc	1022-2018-242-1	10/10/2017	01/01/2018	31/12/2022	01/01/2021	31/12/2021
15	Nguyễn Thị Thương	Nữ	1987		3381-2020-242-1	16/10/2019	16/10/2019	31/12/2024	01/01/2021	31/12/2021
16	Nguyễn Xuân Hòa	Nam	1979	Phó Tổng Giám đốc nghịệp vụ	0909-2018-242-1	13/11/2017	01/01/2018	31/12/2022	01/01/2021	31/12/2021
17	Võ Tuấn Anh	Nam	1985		4107-2017-242-1	14/06/2017	14/06/2017	31/12/2021	01/01/2021	31/12/2021
18	Phạm Thị Thu Phương	Nữ	1987		3663-2018-242-1	04/12/2018	04/12/2018	31/12/2021	01/01/2021	31/12/2021
19	Trần Hồng Giang	Nam	1983		3893-2017-242-1	08/08/2017	08/08/2017	31/12/2021	01/01/2021	31/12/2021
20	Trịnh Thu Huyền	Nữ	1984		2993-2019-242-1	16/10/2019	16/10/2019	31/12/2023	01/01/2021	31/12/2021
21	Nguyễn Thị Thủy	Nữ	1989		4057-2019-242-1	04/09/2019	04/09/2019	31/12/2023	01/01/2021	31/12/2021